SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN ĐÀ NẴNG

Số: 3623 /BVĐN-VTTB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm vật tư y tế, hóa chất chuyên khoa Nội tim mạch, Ngoại tim mạch, Tim mạch can thiệp, Tim bẩm sinh – Cấu trúc, Chẩn đoán hình ảnh sử dụng 12 tháng năm 2026-2027 cho Bệnh viện Đà Nẵng với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đà Nẵng, địa chỉ số 124 đường Hải Phòng – phường Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng.

1. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Trần Thị Thu Huyền, phòng Vật tư – Thiết bị y tế, SĐT: 0968.346.162, email: phongthaubvdn@gmail.com.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận Online (qua website: muasamcong.mof.gov.vn).

- Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Đà Nẵng, số 124 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.

- Địa chỉ email: phongthaubvdn@gmail.com nhận file mềm excel và bản scan.

3. Thời hạn nhận báo giá: Từ ngày 18 tháng 11 năm 2026 đến hết ngày 29 tháng 11 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 1.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đà Nẵng, số 124 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Thời gian cung ứng dự kiến 365 ngày liên tục kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm Yêu cầu báo giá này.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá. Tài liệu được cung cấp dưới dạng file đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (muasamcong.mof.gov.vn); bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá).

c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CNTT để đăng trên Website;
- Lưu: VT, VTTB.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN ĐÀ NẴNG

Lê Đức Nhân

PHỤ LỤC 1

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ/ LINH KIỆN, PHỤ KIỆN, VẬT TƯ THAY THẾ SỬ DỤNG CHO TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 3623 */BVĐN-VTTB ngày* 18 *tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Đà Nẵng)*

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
1	Bóng nong mạch não loại 2 nòng	Bóng nong được gắn trong ống thông 2 nòng, dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính: 1.5mm - 4.0mm. - Chiều dài bóng nong 8mm -15mm. - Đường kính trong 0.0165" - 0.017". - Đường kính ngoài đầu xa-gần là 2.7Fr/ 3.7Fr. - Chiều dài 150cm. - Áp lực tối đa 14atm.	30	Cái
2	Bóng tắc mạch dùng trong can thiệp mạch não ở vị trí mạch thẳng	Bóng tắc mạch dùng để chèn cổ túi phình trong nút phình động mạch não cổ rộng mạch vị trí mạch thẳng. Bóng có đường kính bóng 4 mm, chiều dài bóng 15 mm. Đường kính đầu gần 2.8Fr, đường kính đầu xa 2.2Fr, chiều dài Tip 4mm, đi kèm dây dẫn 0.010" Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	10	Cái
3	Bóng tắc mạch dùng trong can thiệp mạch não ở vị trí ngã ba mạch	Bóng có đường kính bóng 4 mm, chiều dài bóng 7 mm. Đường kính đầu gần 2.8Fr. Đường kính đầu xa 2.5Fr Bóng giúp hỗ trợ việc đặt coil đối với các túi phình mạch não ở vị trí ngã ba mạch. Kèm dây dẫn 0.010" Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	10	Cái
4	Catheter chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên các cỡ	* Cấu tạo: - Lớp ngoài và trong: Nylon / Pebax - Dây dẫn tương thích: 0.038". * Kích thước: - Đường kính trong: 0.041 - 0.047".	110	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Đường kính ngoài: 4Fr - 5Fr. - Chiều dài: 100cm, 110cm Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		
5	Dây dẫn can thiệp thần kinh	Chất liệu thép không gỉ, đầu xa có cuộn lò xo platinum dài 5cm, khả năng xoắn 1:1, có phủ ái nước. Đường kính 0.014" Chiều dài: 205cm Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	100	Cái
6	Dây dẫn đường cho Catheter các loại các cỡ	* Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol. - Lớp ngoài là TPU (Thermoplastic Polyurethane), tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước. * Hình dạng đầu tip: thẳng, gập góc * Kích thước: - Chiều dài: 150 - 260cm. - Đường kính: 0.035". Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	400	Cái
7	Dây dẫn đường dùng trong can thiệp mạch thần kinh, đường kính 0.008"	Dây dẫn ái nước, chất liệu thép không gỉ, đường kính 0.008", dài 200 cm, đầu mềm quấn lò xo platinum dài 10cm Dùng với ống thông và chất tắc mạch dạng lỏng để làm các can thiệp AVM. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	40	Cái
8	Dụng cụ bảo vệ mạch ngoại biên	Dụng cụ bảo vệ mạch được sử dụng trong can thiệp động mạch cảnh, động mạch vành và động mạch ngoại biên. Đường kính lưới lọc (filter) 3mm - 7mm, độ dài dây đẩy 190cm và 320cm. Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn: 0.014" và 0.018". Chất liệu lưới lọc: Nitinol hoặc tương đương.	15	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Miệng lưới lọc có 1 khung tròn chất liệu Vàng - Tungsten làm marker hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
9	Dụng cụ cắt coils	Dụng cụ cắt coil: - Sử dụng để cắt vòng xoắn kim loại. - Sử dụng cho một bệnh nhân, cắt được 25 vòng. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	5	Cái
10	Dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại (dây đẩy coils, dụng cụ cắt coils) các loại, các cỡ	Dụng cụ cắt coil, cắt điện, trực tiếp, không dây cáp. Được tích hợp điện sẵn. Chỉ cần ấn duy nhất 1 nút trong vòng 0.75 giây để cắt 1 vòng xoắn. Có tín hiệu báo đi kèm.	5	Cái
11	Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) trong tim mạch các loại, các cỡ	* Thông số: - Đường kính vòng: 2mm, 4mm, 7mm. - Chiều dài dụng cụ 175cm - 200cm. - Chiều dài ống thông 150cm - 175cm. - Kích thước ống thông: 2.3Fr - 3Fr. * Mỗi bộ gồm: 1 dụng cụ lấy dị vật (microsnare), 1 vi ống thông, 1 dụng cụ mở đường (microsnare introducer), 1 thiết bị xoáy (torque device). * Thiết kế vòng vuông góc 90°. * Dây cáp chất liệu Nitinol, vòng chất liệu tungsteng mạ vàng. * Có marker của ống thông bằng Platinum-Iridium hoặc tương đương.	3	Cái
12	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay thành siêu mỏng	Lớp ái nước kết hợp với đường kính ngoài nhỏ giúp giảm nguy cơ co thắt và tắc mạch máu. - Kim luồn chọc mạch cỡ: 20G, 22G. - Dây dẫn: dài 45cm; đường kính: 0.021", 0.025". - Chiều dài sheath: 10cm. - Kích thước: cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	100	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
13	Đầu nối chữ Y	Đầu nối dạng bấm và vặn, đường kính trong van 9Fr, sử dụng trong thủ thuật chụp chẩn đoán và can thiệp mạch máu Bộ kết nối chữ Y bao gồm: - Đầu nối chữ Y. - Torque. - Kim dài. - Dây truyền với khóa luer có 03 cổng, dài 25cm.	400	Cái
14	Giá đỡ động mạch cảnh tự bung	Stent tự bung, làm bằng nitinol. Đường kính 4mm đến 10mm. Chiều dài 20mm đến 60mm. Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn (Tapered). Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	15	Cái
15	Giá đỡ kéo huyết khối	Thiết kế dạng các khung lồng dạng lưới hình cầu, liên kết với nhau nhất quán. Có từ 3 cho đến 5 đoạn khung lồng hình cầu, Đường kính: 3 - 6mm Chiều dài từ 15 - 44mm	30	Cái
16	Giá đỡ kéo huyết khối mạch não	Stent được làm bằng nitinol và có khả năng tự bung Thiết kế mở các đường kính 4mm và 6mm. Chiều dài từ 20 - 40mm. Có ≥ 1 marker đầu gần, ≥ 3 đầu xa, chiều dài làm việc: 190 - 210cm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	130	Cái
17	Giá đỡ nội mạch (Stent) thay đổi dòng chảy mạch não	Stent mạch não đổi hướng dòng chảy điều trị túi phình động mạch não. - Chất liệu Platinum, Cobalt Chromium hoặc tương đương - Đường kính: đủ kích cỡ từ 2.5mm - 5mm với bước nhảy 0.25mm - Chiều dài: 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	10	Cái
18	Keo nút mạch dạng lỏng	Chất tắc mạch vĩnh viễn, bao gồm EVOH, DMSO và Tantalum 01 bộ bao gồm: - 01 lọ đựng chất tắc mạch thể tích 1.5ml.	40	Lọ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- 01 lọ đựng DMSO thể tích 1.5ml. - 3 bơm thể tích 1ml: 02 cái dùng cho chất tắc mạch, 01 cái dùng cho DMSO. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		
19	Khung giá đỡ (stent) mạch não tự giãn nở, dùng trong điều trị xơ vữa động mạch nội sọ có thể thu hồi	Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 3.0mm - 5.0mm. - Chiều dài 15mm - 30mm. - Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài stent.	10	Cái
20	Ống hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch não	Ống hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch não Cấu trúc Nitinol, phủ lớp ái nước Đường kính trong rộng: ≥ 0.070" Chiều dài: ≥ 130cm. Tương thích với stent lấy huyết khối Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	60	Cái
21	Ống thông (Catheter) can thiệp siêu nhỏ	Thông số kỹ thuật: * Cấu tạo: thân ống đoạn xa có 3 lớp - Lớp trong: phủ lớp PTFE hoặc tương đương. - Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten hoặc tương đương. - Lớp ngoài: phủ lớp ái nước. * Kich thước: - Đường kính : 1.8 - 2.0Fr. - Chiều dài: 130 - 150cm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	30	Cái
22	Ống thông (Catheter) can thiệp siêu nhỏ	* Đường kính ngoài: 2.5 - 2.7Fr. * Chiều dài: 130 - 150cm. * Dây dẫn tương thích: 0.021" * Lớp cuộn bằng vàng 3cm hoặc tương đương	50	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		* Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
23	Ống thông chẩn đoán mạch não, mạch gan, tạng có phủ lớp ái nước các cỡ	* Cấu tạo 3 lớp: + Lớp ngoài chất liệu pebax. + Lớp giữa bện bằng thép không gỉ, Đầu được làm bằng polyurethane. + Lớp trong chất liệu Nylon. * Phủ lớp ái nước mặt ngoài. * Kích thước: 4Fr, 5Fr, 6Fr . * Chiều dài: 65 -130 cm * Hình dạng đầu tip: Cobra, Mani, Yashiro, JL, JR, PIG, Straight, SIM,… * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).	310	Cái
24	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) các loại, các cỡ	Ống thông dẫn đường kép 2 nòng: - Chất liệu PTFE, có phủ lớp ái nước, đầu mềm. - Có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau, kích cỡ nòng ngoài 6Fr và 5Fr. Trong đó, nòng ngoài 6F đi với nòng trong 5F và nòng ngoài 5F đi với nòng trong 4F. - Ống thông ngoài dài 90 - 100cm, ống thông nòng trong dài 110 - 120cm, phủ lớp ái nước dài 15cm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	100	Cái
25	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp mạch	Ống dẫn dùng can thiệp thần kinh thân cứng. - Kích cỡ 6F, 8Fr. Đường kính trong lớn có các loại 0.070" và 0.088". - Chiều dài: 80cm, 90cm, 105cm - Loại đầu thẳng và đầu MP. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	260	Cái
26	Ống thông hỗ trợ thả giá đỡ mạch não	Ống thông dẫn đường can thiệp thần kinh loại mềm. - Đường kính: 5Fr, 6Fr. - Chiều dài: 115cm. - Có loại đầu thẳng, gập góc 25 độ	20	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
27	Ống thông hỗ trợ thả giá đỡ mạch não	Ống thông can thiệp mạch thần kinh, đầu thẳng, thích hợp cho bung stent chuyển dòng. - Chất liệu: composite - Đường kính trong 0.027". - Chiều dài ống: 150cm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	20	Cái
28	Ống thông hút huyết khối mạch não	Ống thông hút huyết khối mạch não: - Cấu trúc gồm 2 lớp bằng Nitinol có lớp phủ ái nước. - Hình dạng đầu xa: Dạng thẳng. - Kích cỡ: bao gồm các cỡ 5Fr - 6Fr. - Chiều dài hoạt động : 115cm, 125cm, 131cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	110	Cái
29	Ống thông siêu nhỏ trợ giúp can thiệp mạch máu não	Vi ống thông siêu nhỏ đường kính trong: 0.025". Đường kính ngoài đầu xa 2.6Fr. Chiều dài: 150cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	12	Cái
30	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch tạng qua đường động mạch quay	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch tạng qua đường động mạch quay: - Cấu tạo bện kép bằng thép không gỉ - Lớp trong nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước. - Đường kính trong: 1 - 1.5mm. - Kích cỡ: 4Fr. Chiều dài 125cm, 135cm, 150cm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).	30	Cái
31	Stent động mạch cảnh tự bung	Stent tự bung, làm bằng nitinol hoặc tương đương - Đường kính 6mm đến 10mm.	20	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Chiều dài 20mm đến 60mm. - Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn (Tapered).		
32	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy các loại, các cỡ	Stent kép 2 lớp chất liệu từ sợi Nitinol. - Có các điểm cản quang ở 2 đầu và ở thân stent. - Đường kính: 2.5 - 5.5mm. - Tương thích với vi ống thông 0.021" và 0.027".	10	Cái
33	Vật liệu nút mạch	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polyme perfluoro vô cơ, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Kích thước hạt: 40 µm – 1.300 µm, được mã hóa màu theo kích thước. - Đóng gói: ống 2ml. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	40	Lọ
34	Vật liệu nút mạch	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polyme perfluoro vô cơ, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. - Mang thuốc doxorubicin và irinotecan 50mg/ml - Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin ≤ 60 phút; thuốc irinotecan ≤ 30 phút. - Kích thước hạt: 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm. - Đóng gói: ống 2ml. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	15	Lọ
35	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan	Công thức: PEG (Polyethylene Glycol) Được bổ sung thêm liên kết Sufonate Mang hóa chất điều trị u gan. Kích cỡ hạt: 100µm, 200µm, 400µm.	15	Ống
36	Vi dây dẫn đường can thiệp mạch não (micro guide wire) các loại, các cỡ	Vi dây dẫn chất liệu lai giữa nitinol và thép không gỉ, lớp vỏ là PTFE, phủ lớp ái nước hydrophilic. - Chiều dài: 200cm. - Đường kính 0.014". - Chiều dài đầu xa có thể uốn được là 1cm-1.5cm. Chiều dài cản quang từ 3 cm - 6 cm Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	120	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
37	Vi dây dẫn đường dùng trong can thiệp mạch	Vi dây dẫn ái nước lõi Scitanium đầu tungsten - Đường kính: 0.014" - 0.018". - Độ dài: 135 - 190cm - Đầu tip 2cm của dây dẫn có thể tạo hình được, giúp tùy chỉnh dây dẫn. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).	250	Cái
38	Vi ống thông (micro-catheter) các loại, các cỡ	Vi ống thông lớp trong cùng vật liệu PTFE, lớp ngoài phủ lớp ái nước hydrophilic. - Gồm các loại hình dạng: Đầu thẳng, 45°, 90° và hình chữ J. - Đường kính trong gồm: 0.017", 0.021" và 0.027". Đường kính ngoài đầu xa là 1.7Fr, 2.0Fr và 2.6Fr, đường kính ngoài đầu gần là 2.4F, 2.5F, 3,1F. - Chiều dài sử dụng 150cm và 156cm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	45	Cái
39	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch não	Vi ống thông có cấu trúc sợi thép không gỉ, lớp áo ái nước bao bề mặt ngoài, lớp PTFE lót lòng trong, lớp nhựa Pebax; hoặc tương đương. - Tương thích DMSO. - Đường kính ngoài gần-xa tương ứng 2.7Fr - 2.4Fr. - Đường kính trong: 0.021". - Chiều dài: 150 - 170cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	230	Cái
40	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch thần kinh	Vi ống thông được thiết kế đầu gần là thép không gỉ, đầu xa có lớp nitinol hoặc tương đương. - Ống thông: có đầu tự đứt. - Phù hợp với dây dẫn 0.008" và 0.010". - Đường kính trong 0.013". - Đường kính ngoài đầu xa - gần: 1.5Fr - 2.7Fr - Chiều dài: 150 - 170cm, chiều dài Tip: 1.5cm, 3cm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	30	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
41	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch thần kinh	Vi ống thông được thiết kế đầu gần bằng sợi thép không gỉ, đầu xa có lớp nitinol hoặc tương đương, tương thích keo nút mạch dạng lỏng. - Đường kính trong đầu xa là 0.013", đường kính ngoài là 2.7Fr và 1.5Fr, chiều dài 150 - 170cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	10	Cái
42	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch thần kinh	Vi ống thông được làm bằng chất liệu nitinol hoặc tương đương. - Đường kính đầu xa: 1.7Fr và 1.9Fr. - Chiều dài: 150 - 170cm. - Tương thích với DMSO. - Đầu thẳng, hai điểm đánh dấu ở đầu. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	30	Cái
43	Vi ống thông gập góc dùng trong can thiệp mạch thần kinh	Vi ống thông được làm bằng chất liệu nitinol hoặc tương đương. - Đường kính đầu xa: 1.7Fr và 1.9Fr. - Chiều dài: 150 - 170cm. - Tương thích với DMSO. - Gập góc 45° và 90°, hai điểm đánh dấu ở đầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	30	Cái
44	Vi ống thông hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch	Vi ống thông hút huyết khối dùng trong can thiệp: - Đường kính trong đầu xa: ≥ 0.035". - Đường kính ngoài đầu xa: 3.8Fr; Đường kính ngoài đầu gần: 4.7Fr. - Chiều dài làm việc: 150cm - 160cm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	30	Cái
45	Vòng xoắn kim loại dùng trong can thiệp mạch não	- Đường kính sợi coil: 0.0108" - 0.0115". - Đường kính coil: 1 - 6mm. - Chiều dài coil: 1 - 20cm. - Coil được cắt bằng dụng cụ cơ học.	40	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
46	Vòng xoắn kim loại dùng trong can thiệp mạch não	Vòng xoắn nút mạch não làm từ chất liệu platinum hoặc tương đương. - Đường kính sợi coil từ 0.0115" - 0.0145". - Chiều dài cuộn coil từ 1 - 50cm. - Coil được cắt bằng dụng cụ cơ học. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).	130	Cái
47	Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch não	- Điều trị túi phình mạch não, cơ chế cắt coil bằng cơ học không cần dụng cụ đi kèm. - Chiều dài: 1cm - 60cm. - Đường kính : Từ 1mm - 25mm. - Đường kính O.D sợi coil: 0.010" - 0.0145". - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	40	Cái
48	Dây dẫn can thiệp mạch máu phủ lớp ái nước 0.035"	Dây dẫn can thiệp mạch máu phủ lớp ái nước - Cấu tạo: Nitinol hoặc tương đương. - Đường kính: 0.035". - Chiều dài khác nhau: 150 - 300cm. - Nhiều loại đầu tip khác nhau: thẳng, gập góc, chữ J Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	300	Cái
49	Keo nút mạch nút dị dạng động tĩnh mạch não	Bao gồm 01 syringe 1ML tiệt trùng đóng sẵn hợp chất Co- Polymer với Iodine, không bị phân hủy trong Dimethyl sulfoxide (DMSO). - Kèm theo 01 syringe 1ML tiệt trùng đóng sẵn chất DMSO riêng biệt. - Có sẵn các Adapter tương thích với vi ống thông 0.017" và bóng. - Chỉ định nút các ổ dị dạng động tĩnh mạch máu não (AVM).	10	Cái
50	Vòng xoắn kim loại (coils, matrix coils) các loại, các cỡ	Được cắt bằng kìm điện, không dây cáp. Vật liệu Platinum hoặc tương đương, tạo được nhiều hình dạng Có 2 hệ thống coil 10 và coil 18.	110	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Đường kính vòng xoắn: 1 - 24mm. Chiều dài coil: 1 - 70cm.		
51	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn dùng trong can thiệp mạch, các cỡ	Vòng xoắn bằng platinum, lõi bằng Nitinol hoặc tương đương. - Dạng coil cắt điện không cáp. - Đường kính sợi coil: 0.020". - Có nhiều kích cỡ khác nhau. - Đường kính: 2 - 32mm. - Chiều dài: 2 - 60cm.	30	Cái
52	Kim chọc mạch ngoại vi	Chất liệu Catheter ETFE (Ethylen Tetra Flour Ethylen) hoặc tương đương Có hai nòng Các cỡ: 18G x 2"(I.D.0.95x51mm), 20G x2" (I.D.0.80 x51mm), 22G x 1" (I.D. 0.60 x25mm), 24G x3/4" (I.D.0.47x19mm), (phân biệt bằng màu sắc). Kim luồn tĩnh mạch không có cánh.	300	Cái
53	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Bao gồm các thành phần sau: * Kim luồn chọc mạch cỡ 18G (hai nòng) * Dây dẫn: hợp kim Nitinol hoặc tương đương, đường kính: 0.035" dài 40 - 50 cm * Bơm tiêm 2.5ml * Introducer Sheath: - Van cầm máu hình chữ thập - Kích thước: Cỡ 5Fr, 6Fr,7Fr, 8Fr - Chiều dài: 10 - 20 cm * Vật liệu sheath: ETFE hoặc tương đương * Vật liệu dilator: Polypropylene hoặc tương đương * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). * Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	560	Bộ
54	Cuộn nút mạch não có lông hoặc là Vòng xoắn kim loại mạch não có phủ vi sợi	Chất liệu Platinum, có các loại 3D và Helix, có gắn các vi sợi được làm bằng PGLA hoặc Nylon để giảm lưu lượng dòng chảy và hình thành huyết khối nhanh. Đường kính sợi coil: 0.0115"; 0.0125"; 0.0135"; 0.0145". Đường kính coil có các loại từ 2mm - 18mm, chiều dài từ 1cm - 40 cm.	40	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Cắt bằng dụng cụ cắt cơ học. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).		
55	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, hệ thống dây dẫn 0.014"	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, các cỡ. Thiết kế hệ thống: Over The Wire. Có loại bóng dạng thẳng và dạng thuôn hình nón. Phủ ái nước. Đường kính: từ ≤ 1.5mm đến ≥ 6.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm) Chiều dài từ ≤ 20mm đến ≥ 200mm (tối thiểu có đủ các cỡ 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100m, 120mm, 150mm và 200mm) Chiều dài hệ thống tối thiểu có: 90cm, 150cm. Marker: ≥ 2 marker. Hệ thống dây dẫn: 0.014". Áp lực trung bình ≥ 6atm; áp lực vỡ bóng ≥ 12atm Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	40	Cái
56	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, hệ thống dây dẫn 0.018"	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, các cỡ. Thiết kế hệ thống: Over The Wire. Có loại bóng dạng thẳng và dạng thuôn hình nón. Phủ ái nước. Đường kính: từ ≤ 1.5mm đến ≥ 10.0 mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm) Chiều dài từ ≤ 15mm đến ≥ 220mm.(tối thiểu có đủ các cỡ 15mm, 20mm, 30mm, 60mm, 80mm, 120mm, 220mm) Chiều dài hệ thống tối thiểu có: 70cm, 90cm, 120cm, 150cm. Marker: ≥ 2 marker. Hệ thống dây dẫn: 0.018". Áp lực trung bình ≥ 6atm; áp lực vỡ bóng ≥ 12atm	40	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
57	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, hệ thống dây dẫn 0.035"	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, các cỡ. Thiết kế hệ thống: Over The Wire. Có loại bóng dạng thẳng và dạng thuôn hình nón. Phủ ái nước. Đường kính: từ ≤ 3.0mm đến ≥ 12.0 mm (tối thiểu có đủ các cỡ 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm và 12mm) Chiều dài từ ≤ 20mm đến ≥ 220mm.(tối thiểu có đủ các cỡ 20mm, 30mm, 60mm, 80mm, 120mm, 150mm, 220mm) Chiều dài hệ thống tối thiểu có: 70cm, 90cm, 120cm, 150cm, 200cm. Marker: ≥ 2 marker. Hệ thống dây dẫn: 0.035". Áp lực trung bình ≥ 6atm; áp lực vỡ bóng ≥ 12atm Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	40	Cái
58	Khung giá đỡ (Stent) chặn dòng chảy nội túi phình	Khung giá đỡ hoạt động với cơ chế tự triển khai bên trong túi phình để ngăn máu chảy vào túi phình mạch não. - Hình dạng: + Trụ tròn: đường kính từ 3mm -11mm, chiều cao từ 2mm-9mm; + Hình cầu: kích thước đường kính từ 4mm-11mm, chiều cao từ 2.6mm-9.6mm. Độ che phủ kim loại của Khung giá đỡ là khoảng 60%, tại đểm tâm Khung giá đỡ đạt khoảng gần 100%. Cả hai hình dạng đều có 1 hõm đầu gần và 1 hõm đầu xa, các hõm có một điểm chỉ thị cản quang RO. * Đạt tiêu chuẩn: CE (Liên minh Châu Âu) và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	3	Cái
59	Vi ống thông can thiệp mạch não (dùng để thả thiết bị bít phình mạch trong túi dạng lưới) các loại, các cỡ	Vi ống thông can thiệp chuyên dụng (có khả năng tương thích để thả thiết bị bít phình mạch não trong túi dạng lưới). Cấu tạo có đầu tip mềm, thân và phần hỗ trợ cấu tạo bởi các sợi bện.	3	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
60	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu Pebax và polyamide; lớp trong gồm lớp bện thép không gỉ, PTFE, phủ ái nước, hoặc tương đương - Đường kính trong cỡ 0.055" - Đường kính ngoài cỡ 0.068" - Chiều dài 115cm, 125cm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	30	Cái
61	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài	Chất liệu: Polymer tăng cường vòng xoắn Stainless Steel, lớp trong PTFE. Đường kính: 5F đến 7F. Chiều dài: 45cm đến 90cm. Hình dạng ống thông: đầu cong và đầu thẳng. Lớp phủ: Hydrophobic Marker: Platinum (thấy rõ dưới cản quang). Hệ thống dây dẫn: 0.035". Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	40	Bộ
62	Bộ kít đốt laser nội mạch	Bộ dụng cụ đốt laser nội mạch gồm sợi quang đầu bọc vàng, bề mặt lồi hình cầu, kim 21g, cây nong 4F 10cm, dây dẫn 45cm.	60	Bộ
63	Bóng ngoại vi phủ thuốc Paclitaxel	Bóng phủ thuốc Paclitaxel Tiết diện thâm nhập đầu tip: 0.017" Cấu trúc truyền thuốc ở cấp độ phân tử: Butyryl-Tri-Hexyl Citrate (BTHC) Vùng phủ thuốc: Phần hình trụ và đoạn thuôn lại của bóng Đường kính bóng: 2.0mm đến 7.0mm Chiều dài bóng: 40 đến 150mm Áp lực thường: 5-8atm Áp lực ngưỡng: 11 - 20atm Chiều dài khả dụng của ống thông: 85 - 150cm	10	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		*Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
64	Bóng nong động mạch ngoại biên (đùi, khoeo,...) chuyên dụng có gắn khía hoặc lưỡi dao bằng hợp kim phù hợp tổn thương vôi hóa cứng	- Bóng nong mạch ngoại biên có gắn 3 hoặc 4 khía kim loại trên bề mặt bóng *Chất liệu Nylon / Pebax hoặc tương đương *Kích thước: - Đường kính: từ 2.5mm đến 7.0mm - Chiều dài bóng từ 20mm đến 150mm * Có áp lực trung bình ≥ 10atm, áp lực gây vỡ bóng ≥ 14atm. * Chiều dài catheter hữu dụng ≥ 90cm * Bóng đi trên dây dẫn 0.014", 0,018". - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	10	Cái
65	Bóng nong động mạch ngoại vi chạy trên dây dẫn 0.018"	- Điều trị đùi Nông và Dưới gối - Chiều dài hệ thống: ≥ 90cm và ≤ 150cm - Tương thích với hệ thống 4F đến 6F - Đường kính: 2.0 đến 6.0mm - Chiều dài: 20 đến 200mm - Áp lực định danh: 6 - 9 atm, áp lực tối đa: ≥ 14atm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	20	Cái
66	Bóng nong động mạch ngoại vi chạy trên dây dẫn 0.035"	- Chiều dài bóng từ 20 đến 250mm - Đường kính bóng từ 3mm đến 14mm - Chiều dài ống thông 80cm đến 135cm - Tương thích 5-7F - Tiết diện cắt ngang nhỏ - Thời gian xẹp nhanh - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	10	Cái
67	Bóng nong động mạch ngoại vi tương thích dây dẫn 0.014"	- Bóng nong động mạch ngoại biên tương thích dây dẫn 0.014", là bóng trao đổi nhanh (RX)	10	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Áp lực định danh: 6-8atm, Áp lực vỡ bóng: ≥ 16atm - Đường kính 1.5mm - 6.0mm - Có nhiều cỡ: đường kính từ 1.5 mm - 7.0 mm; chiều dài từ 15mm - 220mm - Chiều dài hệ thống: từ 90cm - 145cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
68	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao tương thích dây dẫn 0.035"	Bóng nong ngoại biên áp lực cao. Bóng tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035" hoặc tương đương. Tương thích với sheath 5F đến 7F Đường kính bóng từ 4.0mm - 12mm. Tối thiểu 2 marker đánh dấu Chiều dài bóng từ 20mm - 100mm. Áp lực vỡ bóng ≥ 24atm. Chiều dài ống thông từ 40cm đến 135cm	20	Cái
69	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc. Kích thước dây dẫn tối đa là 0.035"	Phủ thuốc Paclitaxel ≥ 3.5µm/mm² hoặc tương đương - Bóng có đường kính 4 - 12mm, chiều dài của bóng 30 - 160mm. - Catheter dạng OTW, Chiều dài hệ thống từ 40 - 130cm, tương thích với wire có đường kính tối đa là 0.035". - Áp lực vỡ bóng ≤ 14atm. - Ống thông lõi kép. - Bóng có 2 marker chất liệu platinum-iridium. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	30	Cái
70	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.018"	- Bóng nong động mạch ngoại biên tương thích dây dẫn 0.018", là bóng đồng trục OTW - Áp lực định danh: <=8 atm, Áp lực vỡ bóng: >=16 atm - Với bóng có đường kính từ 2.0mm - 6.0mm: bóng cuộn 3 lớp; với bóng đường kính từ 7mm - 8mm - Có nhiều cỡ: đường kính từ 2.0 mm - 8.0 mm, chiều dài từ 10mm - 220mm - Phần ống thông phủ ái nước. Chiều dài hệ thống từ 80 đến 150cm	10	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
71	Bóng nong ngoại biên và AVF (cầu tay), áp lực siêu cao, chống trơn trượt (Tương thích dây dẫn 0.035")	Bóng nong mạch ngoại biên và cầu tay loại áp lực cao, chất liệu chống trơn trượt đảm bảo nong chính xác ở vị trí vôi, xơ cứng *Kích thước: - Đường kính từ 3.0 mm đến 12 mm - Chiều dài từ 20 mm đến 150 mm. * Chiều dài catheter: từ 50cm đến 130cm * Có áp lực định danh ≥ 8 atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 14atm. * Bóng đi trên dây dẫn 0.035". - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	10	Cái
72	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên	* Đường kính: 0.014", 0.018", 0.035". * Tổng chiều dài từ 180cm - 300cm. * Kiểu đầu: Angel, Straight. * Cấu trúc đoạn xa: - Lõi bằng Nitinol hoặc tương đương - Lớp áo ngoài Polyurethane với tungsten hoặc tương đương. - Lớp phủ ái nước. * Đoạn đánh dấu cản quang.	50	Cái
73	Dụng cụ mở đường can thiệp mạch máu ngoại biên (Dài)	* Chiều dài từ 45cm - 90cm * đường kính trong: 5Fr đến 8Fr * Độ dài lớp phủ ái nước : 35cm đến 60cm * Kiểu đầu: straight * Cấu trúc: lớp bên trong là PTFE, lớp ngoài là Nylon, lớp giữa là lớp cuộn thép không gỉ hoặc chất liệu tương đương * Đánh dấu bằng lớp cuộn vàng hoặc tương đương * Đóng gói một sản phẩm mỗi hộp kèm dilator. Tất cả các dilator đều tương thích với dây 0,038"	20	Cái
74	Giá đỡ động mạch chậu, đùi tự bung các cỡ	Chất liệu: Nitinol hoặc tương đương Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide) hoặc tương đương.	20	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Đường kính: 5mm - 7mm. Chiều dài: 30mm - 200mm. Chiều dài hệ thống: 90cm - 135cm. Marker: ≥ 6 marker Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
75	Giá đỡ động mạch chi tự bung các cỡ	Chất liệu: Nitinol hoặc tương đương Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide) hoặc tương đương Đường kính: 4mm - 7mm. Chiều dài: 20mm - 200mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 135cm. Marker: ≥ 6 marker. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	15	Cái
76	Khung giá đỡ có màng bọc sử dụng cho động mạch chậu, đùi, thận dưới đòn	Giá đỡ mạch máu có màng bọc đường kính từ 5.0-10.0mm. Khung giá đỡ làm bằng hợp kim, phủ một lớp màng bọc ePTFE hoặc chất tương đương. Tương thích sheath 6F,7F . Kích cỡ: đường kính từ 5 - 10mm, dài: 18 -58mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	5	Cái
77	Khung giá đỡ sử dụng cho động mạch chậu, đùi, thận dưới đòn	Giá đỡ mạch máu ngoại biên, nong bằng bóng. - Chất liệu Coban - Crom (L605) hoặc tương đương, Marker trên bóng - Đường kính: 5-10mm, chiều dài: 18 đến 58mm - Chiều dài hệ thống: 75 đến 120 cm - Tương thích sheath 6Fr với tất cả các size - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	10	Cái
78	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y	Mạch máu nhân tạo chữ Y, chất liệu Polyester, được ngâm tẩm với collagen. Gồm các cỡ đường kính 14mmx7mm, 16mmx8mm, 18mmx9mm Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	60	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
79	Mạch máu nhân tạo loại thẳng dài 75-85cm	Mạch máu nhân tạo thẳng, chất liệu polytetrafluoroethylene (ePTFE) hoặc tương đương, dài khoảng 75cm - 85cm, có vòng xoắn. Gồm các cỡ và tối thiểu phải có cỡ: 7mm, 8mm.	10	Cái
80	Ống thông (Catheter) lấy huyết khối	Catheter lấy huyết khối các cỡ 3Fr - 5Fr. Dài khoảng 70cm - 90cm. Catheter được tích hợp thước hiển thị. Thân làm từ vật liệu Polyether block amide (hoặc tương đương) chắc chắn, độ bền cao và có tính cản quang. Bóng được làm từ chất liệu cao cấp giảm tối đa nguy cơ vỡ bóng và tối ưu loại bỏ huyết khối.	90	Cái
81	Shunt trong lòng động mạch cảnh cỡ 8F-9F	Shunt động mạch cảnh các cỡ 8Fr - 9Fr. - Chất liệu Polyurethane (hoặc tương đương) chống xoắn vặn. - Cổng chữ T giúp kiểm soát sự cố. - Các bóng chèn được mã hoá màu, có vạch đo độ sâu khi chèn bóng. Bóng chẹn động mạch cảnh trong có thiết kế kèm bóng an toàn.	30	Cái
82	Stent động mạch chi các loại, các cỡ	Stent tự giãn nở bằng nitinol Đường kính: 5 - 8 mm. Chiều dài 20 - 200 mm. Chiều dài hệ thống: 80 cm đến 120 cm tương thích với dây dẫn 0.035". Khung giá đỡ có 3 đỉnh sóng. Có 2 marker chất liệu Tantalum hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	20	Cái
83	Vi dây dẫn đa lõi can thiệp mạch máu ngoại vi	- Tip load 3.0gf, 7.5gf,12.0gf - Đường kính dây 0.014", 0.018" - Dây dẫn đa lõi tăng khả năng truyền moment xoắn và độ bền đầu tip cao - Chiều dài 190cm - 300cm - Lớp phủ ái nước (trừ đầu tip)/ ái nước trên nền polymer hoặc tương đương - Hình dạng đầu tip: thẳng/ định hình sẵn/ đầu tip hình chóp (micro-cone)	60	Cái
84	Vi ống thông can thiệp mạch ngoại vi	Thiết kế cho phép xoay cả hai chiều thông qua tổn thương khó, đầu tip kim loại tiết diện thâm nhập khoảng 0.014 - 0.020 Đường kính ngoài (tip/ distal): 1.5F/2.3F Dây dẫn tương thích 0.014" hoặc 0.018"	35	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Lớp phủ ái nước Chiều dài khả dụng: 100 đến 300 cm		
85	Vi ống thông can thiệp tổn thương phức tạp CTO cho mạch máu ngoại biên	* Tương thích với ống thông mở đường 4 Fr * Thiết kế kiểu đầu thuôn nhọn với độ dài >= 12mm, hỗ trợ lái dây dẫn vượt qua các loại tổn thương * Kiểu đầu thẳng và cong giúp lựa chọn đúng lòng mạch và lái qua những mạch máu phân nhánh * Phủ lớp ái nước Hydrophilic hoặc tương đương * Kích thước: - Tương thích với dây dẫn 0.035" - Chiều dài: 65 cm đến 150 cm	10	Cái
86	Bình chứa dung dịch hút huyết khối	Sử dụng kết nối với máy bơm hút huyết khối. - Cấu tạo: Nắp đậy có thể tháo rời Có bộ lọc để ngăn chất bẩn, - Vật liệu: Nhựa - Dung tích khoảng: 1000ml	10	Cái
87	Dây nối hút huyết khối	Sử dụng tương thích với tất cả ống thông hút huyết khối. - Cấu tạo: Có công tắc on/off dễ dàng trong quá trình vận hành. - Vật liệu: Nhựa trong suốt giúp dễ dàng quan sát dòng chảy khi hút huyết khối.	10	Cái
88	Vi dây dẫn chọc tách huyết khối can thiệp mạch ngoại vi	Đường kính đầu chia tách huyết khối: 0.068"; chiều dài tương ứng: 150cm.	10	Cái
89	Ống thông hút huyết khối mạch ngoại biên các loại, các cỡ 8F	Đầu tip: lại thẳng, loại cong Đường kính: 8F Đường kính trong 6.7F. Chiều dài 85cm và 115cm.	10	Cái
90	Ống thông chuyên dụng dùng trong can thiệp mạch và mạch ngoại biên	Kích cỡ 10F. Bao gồm: Ống thông, que nong mạch Dilator, van cầm máu (lớn tới 13F) Ống thông thiết kế dạng lò xo, gia cố cuộn coil để tăng tính linh hoạt và chống xoắn vặn	3	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Trên đầu ống thông và que nong có vật liệu cản quang giúp dễ dàng quan sát Đường kính trong 3.4mm. Chiều dài làm việc: 41.5cm.		
91	Bộ dụng cụ lấy lưới lọc tĩnh mạch	* Bộ lấy lưới lọc dành cho lối vào tĩnh mạch. Thép không gỉ. * Một bộ lấy lưới lọc bao gồm: một ống thông kẹp, một hệ thống mở đường (dụng cụ nong và bộ dẫn đường vào lòng mạch), một kim chọc dò, và một dây dẫn J. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	10	Cái
92	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới	Vật liệu Nitinol Hypotube cắt bằng Laser. Xử lý bề mặt bằng điện phân. Tới 30mm đường kính. Dễ dàng thu lại, với 6 móc neo. Sử dụng Guidwire: 0.035". Chiều dài ống thông dẫn: 70cm. Phụ kiện kèm theo gồm: dụng cụ mở đường có đường kính trong 5F có van cầm máu.	10	Cái
93	Bộ Ống thông hút huyết khối cỡ lớn	Vật liệu thép không gỉ hypotube, cắt bằng laser, cho chuyển lực mô men xoắn 1:1. và tăng khả năng tiếp cận tiên tiến. Đường kính ngoài 12F (4.04mm). Đường kính trong lớn tời 3.33mm. Chiều dài có 110cm, 115cm.	3	Cái
94	Dụng cụ chọc tách huyết khối lớn	Công nghệ đầu chia tách độc quyền. Đường kính đầu chia tách huyết khối: 0.11" (2.79mm); chiều dài tương ứng: 150cm. Tương thích các ống hút huyết khối đường kính 8Fr	3	Cái
95	Thiết bị hỗ trợ tuần hoàn thất trái qua da	Thiết bị hỗ trợ tuần hoàn cơ học tạm thời, dùng để hỗ trợ thất trái hỗ trợ can thiệp mạch vành nguy cơ cao hoặc sốc tim, suy tim. Thời kỳ tâm thu: Hút máu từ thất trái qua màng bơm Thời kỳ tâm trương: Đẩy máu từ màng bơm vào động mạch chủ làm tăng tưới máu, giảm hậu gánh cho thất trái - Van 2 chiều trên thân catheter cách đầu tip 72mm. - Đường kính 17Fr - Chiều dài catheter 100cm - Lưu lượng bơm máu tối đa 2 lít/ phút - Phụ kiện bao gồm: + 1 Ống thông bảo vệ + 1 Ống thông PTFE phụ bên trong + Dụng cụ màng bơm và bộ kết nối với máy bơm bóng đối xung của Bệnh	3	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		viện - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
96	Dụng cụ đóng lòng mạch	* Dụng cụ đóng động mạch * Cấu tạo gồm các thành phần: . 01 dây dẫn: 0.035" - 0.040" dài 60cm - 80cm . 01 Que nong tác dụng định vị . 01 Ống mở đường . Bộ phận đóng mạch * Có đủ kích cỡ: 6Fr - 8Fr	360	Cái
97	Băng đóng lòng mạch quay	Băng đóng lòng mạch quay, phần thân trong suốt, chiều dài ≤ 18cm đến ≥ 26cm trong đó tối thiểu có 18cm, 22cm, 26cm	1.200	Cái
98	Dụng cụ mở đường vào mạch máu	* Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu. *Dùng cho đường quay. * Kích cỡ: tối thiểu có 4Fr, 5Fr ,6Fr và 7Fr. * Chiều dài: tối thiểu có ≤ 12cm và ≥ 16cm. * Tương ứng với mỗi kích cỡ 5F, 6F phải có loại có chiều dài ≤ 12cm và loại có chiều dài ≥ 16cm. * Gồm những thành phần sau: - Bơm tiêm ≤ 3ml. - Kim luồn chọc mạch 16G - 21G trong đó loại cho đường quay có kim 20G hoặc 21G. - Dây dẫn. - Que nong. - Dụng cụ mở đường mạch máu phủ ái nước có van cầm máu và khoá 3 ngã. * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	700	Cái
99	Bơm áp lực cao trong chụp buồng tim mạch	* Bộ bơm áp lực cao dùng trong tim mạch can thiệp, áp lực tối đa 30atm. + Vật liệu: Polycarbonate + Thể tích: ≥ 20ml * Kèm theo bộ phụ kiện có đủ 5 loại sau:	1.400	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		+ Van chữ Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm + Dây nối (nối chữ Y và Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch) + Kim luồn dây dẫn + Khóa 3 ngã + Dụng cụ lái dây dẫn (torque device).		
100	Bơm tiêm cản quang dùng trong can thiệp tim mạch	* Bơm tiêm cản quang có đầu xoáy dùng trong can thiệp mạch máu * Vật liệu: + Polycarbonate + Chịu áp lực tốt + Dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong * Thể tích: đủ các thể tích 1ml, 3ml, 10ml	2.200	Cái
101	Bơm áp lực dùng trong can thiệp tim mạch	* Bộ bơm áp lực cao dùng trong tim mạch can thiệp, áp lực tối đa ≥ 35atm. + Vật liệu: Polycarbonate + Thể tích: ≥ 25ml * Kèm theo bộ phụ kiện có đủ 5 loại sau: + Van chữ Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm + Dây nối (nối chữ Y và Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch) + Kim luồn dây dẫn + Khóa 3 ngã + Dụng cụ lái dây dẫn (torque device).	500	Cái
102	Bóng nong mạch vành	* Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi. * Vật liệu: Polyamide hoặc tương đương . * Có 01 điểm làm bằng chất liệu cản quang để đánh dấu ở giữa hoặc ở đầu. * Thân mang bóng/giá đỡ < 0.017". * Chiều dài đầu tận của bóng từ 1mm đến 4mm. • Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 1.1mm đến ≥ 2.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.1mm, 1.5mm và 2.0mm) - Chiều dài: từ ≤ 5mm đến ≥ 20mm (tối thiểu có đủ các cỡ 5mm và 20mm) * Áp lực định danh: ≥ 7atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 17atm	65	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		*Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
103	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	* Bóng nong mạch vành áp lực cao * Chất liệu: Polyamide hoặc tương đương, có lớp phủ ái nước * Số nếp gấp: ≥ 3 nếp gấp. * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 2.0mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm và 4.5mm) + Chiều dài: từ ≤ 10mm đến ≥ 20mm (tối thiểu có đủ các cỡ 10mm, 15mm) * Chiều dài thân hữu dụng ≥ 142cm * Tiết diện đầu vào ≤ 0.016" * Áp lực định danh ≥ 12atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 20atm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	80	Cái
104	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	* Bóng nong mạch vành áp lực cao. * Chất liệu: Polymer bán tinh thể hoặc tương đương. * Phủ lớp ái nước, kị nước đan xen. * Số nếp gấp: ≥ 3 nếp gấp. * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 2.0mm đến ≥ 5.0mm (tối thiểu có 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm và 5.0mm). + Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 30mm (tối thiểu có 8mm, 12mm, 15mm, 20mm và 30mm) * Chiều dài thân hữu dụng ≤ 145cm, * Tiết diện đầu vào ≤ 0.018" * Áp lực định danh 14atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 18atm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	300	Cái
105	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	* Bóng nong mạch vành áp lực cao. * Chất liệu Nylon hoặc tương đương có phủ lớp ái nước.	150	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		* Số nếp gấp: ≥ 3 nếp gấp. * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 2.0 mm đến ≥ 5.0 mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.25mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm và 5.0mm). + Chiều dài: từ ≤ 6mm đến ≥ 25mm (tối thiểu có đủ các cỡ 6mm, 8mm,12mm, 15mm, 20mm). * Chiều dài thân hữu dụng ≥ 142cm. * Tiết diện đầu vào ≤ 0.016". * Áp lực định danh: ≥ 12atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 20atm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
106	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	* Bóng nong động mạch vành áp lực cao. * Chất liệu bóng: Polyamide, Nylon, Grilamid hoặc tương đương. * Số nếp gấp: ≥ 2 nếp. * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 1.5mm đến ≥ 4.5mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm). + Chiều dài: từ ≤ 6mm đến ≥ 30mm (tối thiểu có đủ các cỡ 6mm, 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm). * Chiều dài thân hữu dụng ≤ 145cm. * Tiết diện đầu vào ≤ 0.016". * Áp lực định danh ≤ 12atm, áp lực nổ bóng định mức ≤ 22atm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	190	Cái
107	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	* Bóng nong động mạch vành áp lực cao. * Chất liệu Nylon hoặc tương đương. * Bóng được phủ lớp ái nước. * Số nếp gấp: từ 3 đến 5 nếp. * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 2.0mm đến ≥ 5.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm,3.75mm, 4.0mm,	350	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		4.5mm, 5.0mm). + Chiều dài: từ ≤ 6mm đến ≥ 20mm (tối thiểu có đủ các cỡ 6mm, 8mm, 12mm, 15mm, 18mm và ≥20mm). * Chiều dài thân hữu dụng ≤ 142cm. * Tiết diện đầu vào ≤ 0.016". * Áp lực định danh ≥ 12atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 20atm. * Đường kính ngoài trục đoạn gần ≤ 2.1Fr, đoạn xa ≤ 2.7Fr. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
108	Bóng cắt nong mạch vành chống trượt, áp lực cao	* Bóng nong mạch vành áp lực cao chống trượt - Chất liệu: Nylon 12 hoặc tương đương. Dọc bề mặt có 3 thành tố cố định cách nhau 120 độ để chống trượt và cắt các mảng vữa vôi cứng. - Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 2.0mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.0mm và 4.0mm) + Chiều dài: ≥ 5mm (tối thiểu có 13mm) - Áp lực định danh ≥ 14atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 24atm.	80	Cái
109	Bóng nong mạch vành không giãn nở dùng trong can thiệp tổn thương hẹp	* Bóng nong mạch vành áp lực cao. * Phủ lớp ái nước ở cả bóng và thân đầu xa. * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 0.85mm đến ≥ 1.1mm (tối thiểu có đủ các cỡ 0.85mm và 1.1mm). + Chiều dài: từ ≤ 6mm đến ≥ 20mm (tối thiểu có đủ các cỡ 6.0mm, 10mm, 15mm và 20mm). + Đường kính băng qua tổn thương ≤ 0.0205". *Áp lực định danh ≥ 10atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 21atm. * Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	50	Cái
110	Bóng nong động mạch vành dùng trong can thiệp tổn thương vôi hóa nặng	* Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao. * Chất liệu: Grilamid hoặc tương đương, có 2 lớp tăng khả năng chịu lực. * Kích thước: + Đường kính: từ ≤1.5mm đến ≥ 4.5mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.5mm,	100	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm và 4.5mm). + Chiều dài: từ ≤ 10mm đến ≥ 20mm (tối thiểu có đủ các cỡ 10mm, 15mm, 20mm) * Áp lực vỡ bóng định mức: ≥ 24atm. * Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
111	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi áp lực cao	* Bóng nong mạch vành bán đàn hồi. * Chất liệu: Polyamide hoặc tương đương * Bóng có những điểm nổi trên thân bóng hoặc tương đương để chống trượt. * Kích thước: + Đường kính: từ ≥ 2.5mm đến 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm). + Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 16mm (tối thiểu có đủ các cỡ 08mm, 12mm,16mm). * Áp lực định danh ≥ 11atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 18atm. * Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	150	Cái
112	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi	* Bóng nong động mạch vành loại bán đàn hồi *Chất liệu bóng: Nylon hoặc tương đương *Bóng được phủ lớp ái nước * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 1.5mm đến ≥ 5.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm) - Chiều dài: từ ≤ 10mm đến ≥ 40mm (tối thiểu có đủ các cỡ 10mm, 11mm, 12mm, 15mm, 16mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm). *Áp lực định danh: ≥ 9atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 14atm. *Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	140	Cái
113	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi	* Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi *Chất liệu bóng: Nylon hoặc tương đương *Bóng được phủ lớp ái nước * Kích cỡ: - Đường kính: từ ≤ 1.0mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.0mm, 1.25mm, 1.5mm, 1.75mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm,	120	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		3.25mm, 3.5mm, 4.0mm) - Chiều dài: từ ≤ 5.0mm đến ≥ 30mm (tối thiểu có đủ các cỡ 5mm, 8mm,10mm,12mm, 15mm, 20mm, 30mm) * Áp lực thường ≥ 6atm, Áp lực nổ bóng định mức ≥ 14atm. * Số nếp gấp bóng: 2 đến 3 nếp * Chiều dài thân hữu dụng ≤ 140cm, đường kính thân bóng ≥ 0.021", tiết diện đầu vào ≥ 0.016" * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
114	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi	* Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi * Chất liệu: Polyamide có phủ lớp ái nước * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 1.25mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm và 4.0mm) + Chiều dài: từ ≤ 10mm đến ≥ 30mm (tối thiểu có 10mm, 15mm, 20mm và 30mm) * Đường kính đầu gần ≤ 1.9 F, đầu xa ≤ 2.5 F *Chiều dài thân hữu dụng bóng ≥ 140cm * Tiết diện đầu vào ≤ 0.017" * Áp lực định danh: ≥ 6atm, áp lực tối đa ≥ 14atm * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	160	Cái
115	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi	* Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi * Bóng được phủ lớp ái nước * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 1.2mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có: 1.2mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0 mm) - Chiều dài: từ ≤ 6mm đến ≥ 30mm (tối thiểu có: 6mm, 8mm, 12mm, 15mm, 20mm, 30mm) * Áp lực thường: ≥ 8atm, Áp lực nổ bóng định mức ≥ 14atm. * Chiều dài thân hữu dụng ≥ 143cm, đường kính ngoài trục đoạn gần ≤ 2.1F,	160	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		đoạn xa ≤ 2.7F * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
116	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi	* Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi. * Chất liệu: nylon hoặc tương đương * Bóng được phủ lớp ái nước * Kích thước bóng: + Đường kính: từ ≤ 1.25mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm và 4.0mm) + Chiều dài: từ ≤ 6mm đến ≥ 30mm (tối thiểu có đủ các cỡ 6mm, 10mm, 12mm, 15mm, 25mm và 30mm) * Chiều dài thân hữu dụng bóng ≤ 142cm. * Áp lực định danh ≥ 6atm, áp lực nổ bóng định mức ≤ 14atm. * Số nếp gấp bóng: từ 0 đến 5 nếp tùy theo đường kính bóng * Tiết diện đầu vào ≤ 0.016", tiết diện vượt qua tổn thương ≤ 0.024" * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	160	Cái
117	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi	* Bóng nong động mạch vành loại bán đàn hồi * Vật liệu: Polyether block amide hoặc tương đương * Bóng được phủ lớp ái nước * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 0.75mm đến ≥ 3.5mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.0mm,1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 3.5mm). + Chiều dài: từ ≤6mm đến ≥ 20mm (tối thiểu có đủ các cỡ 6mm cho đường kính nhỏ, 10mm, 15mm và 20mm) * Áp lực định danh ≥ 6atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 14atm. * Chiều dài thân hữu dụng ≥ 143cm, đường kính ngoài trục đoạn gần ≤ 2.1F, đoạn xa ≤ 2.7F *Tiết diện đầu vào ≤ 0.016"	200	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
118	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi	* Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi. * Chất liệu: Polyamide hoặc tương đương * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 1.5mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm và 4.0mm) + Chiều dài: từ ≤ 10mm đến ≥ 20mm (tối thiểu có đủ các cỡ 10mm, 15mm và 20mm) + Chiều dài thân hữu dụng bóng ≥ 140cm. * Nếp gấp bóng: từ 2 đến ≥ 3 nếp gấp tùy đường kính bóng * Áp lực định danh: ≤ 6atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 14atm * Tiết diện đầu vào ≤ 0.016" * Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	130	Cái
119	Bóng nong mạch vành áp lực thường	* Bóng nong động mạch vành loại đàn hồi * Vật liệu: nilon Polyamide hoặc tương đương * Phủ lớp ái nước * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 1.25mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.25mm và 4.0mm). + Chiều dài: từ ≤ 10mm đến ≥ 40mm (tối thiểu có đủ các cỡ 10mm và 40mm). * Áp lực thường ≥ 8atm. Áp lực nổ bóng ≤ 18atm. * Chiều dài thân hữu dụng bóng ≤ 140cm, đường kính thân bóng ≤ 0.025", tiết diện đầu vào ≤ 0.017” * Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	100	Cái
120	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi	* Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi * Chất liệu: Polyamide resin hoặc tương đương, phủ lớp ái nước * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 1.2mm đến ≥ 3.5mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.2mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm và 3.5mm) + Chiều dài: từ ≤ 6mm đến ≥ 20mm (tối thiểu có đủ các cỡ 6mm, 15mm và	130	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		20 mm) + Chiều dài thân hữu dụng ≥ 145cm * Áp lực định danh: ≥ 6atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 14atm * Tiết diện đầu vào ≤ 0.0165" * Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
121	Bóng nong động mạch vành áp lực thường phủ thuốc Paclitaxel	*Bóng nong mạch vành bán đàn hồi, phủ thuốc Paclitaxel * Chất liệu bóng: Polyamide hoặc tương đương *Bóng nong mạch vành bán đàn hồi, phủ thuốc Paclitaxel * Chất liệu bóng: Polyamide hoặc tương đương * Hàm lượng thuốc :≥ 2.9µg/mm². * Kích thước bóng: + Đường kính: từ ≤ 2.00 đến ≥ 4.00 mm (tối thiểu có đủ các đường kính 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm). + Chiều dài: từ ≤ 10mm đến ≥ 30 mm (tối thiểu có đủ các chiều dài 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm). * Tiết diện đầu vào của bóng ≤ 0.017" *Áp lực định danh ≥ 6 bar , áp lực vỡ bóng định mức ≥12 bar *Số nếp gấp bóng: ≥ 3 nếp * Tương thích ống thông can thiệp 5F * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	100	Cái
122	Dây nối truyền thuốc tiêm tĩnh mạch áp lực cao	Dây nối áp lực cao dùng cho y tế: - Đầu nối xoay: 01 đầu dương (đực) và 01 đầu âm (cái) kết nối được với bộ phận áp lực - Chiều dài dây: ≤ 150cm, tối thiểu có 120cm và 150cm - Chịu được áp lực đến 1200psi	3.000	Cái
123	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch máu	* Bộ hút huyết khối động mạch vành * Kỹ thuật đầu tip hút huyết khối ở xa. có điểm đánh dấu cản quang ở đầu xa. * Có phủ lớp ái nước ở phần thân xa 25cm. * Tổng chiều dài ≤ 145cm.	100	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		* Một bộ tiêu chuẩn gồm đủ 5 thành phần sau: - 01 ống thông hút huyết khối 6Fr hoặc 7Fr; - 01 dây thăm dò cứng; - 01 ống tiêm 60ml hoặc 2 ống tiêm ≥30ml ; - Giỏ lọc; - 01 dây nối van khóa vòi 1 hướng.		
124	Đầu dò siêu âm trong lòng mạch vành	Dụng cụ siêu âm lòng mạch 5F, có tần số hoạt động ≤ 40MHz đến ≥ 60MHz, chiều dài hệ thống ≥ 135cm, tương thích với máy ILAB Polaris của hãng Boston Scientific, Mỹ, thuộc sở hữu của bệnh viện Đà Nẵng.	250	Cái
125	Dây dẫn chuyên dụng dùng cho máy siêu âm lòng mạch	Dây đo áp lực trong lòng mạch vành * Chiều dài ≥ 185cm. * Đầu típ cản quang, lõi hợp kim Coban Crom có cảm biến quang học. * Phần thân dài ≥ 33cm phủ ái nước. * Tương thích với máy ILAB Polaris của hãng Boston Scientific, Mỹ, thuộc sở hữu của bệnh viện Đà Nẵng.	20	Cái
126	Dụng cụ kéo đầu dò dùng cho máy siêu âm trong lòng mạch	* Dụng cụ trượt dùng cho siêu âm lòng mạch tương thích với máy ILAB Polaris của Boston Scientific, Mỹ, thuộc sở hữu của bệnh viện Đà Nẵng.	250	Cái
127	Lưới lọc tĩnh mạch lấy huyết khối	* Bộ lấy lưới lọc dành cho lối vào tĩnh mạch. Thép không gỉ. * Một bộ lấy lưới lọc bao gồm: một ống thông kẹp, một hệ thống mở đường (dụng cụ nong và bộ dẫn đường vào lòng mạch), một kim chọc dò, và một dây dẫn J. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	5	Cái
128	Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch	* Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch * Chất liệu Polycarbonate * Có các loại 2 cổng và loại 3 cổng * Đường dẫn trong suốt, đầu xoắn phải xoay vặn dễ dàng để điều khiển dụng cụ * Chịu áp lực cao lên đến 500PSI - 600PSI. * Cần gạt của khóa xoay tương ứng với chiều đóng khóa (chữ OFF).	700	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
129	Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch	* Bộ phận kết nối dùng trong can thiệp tim mạch * Chất liệu Polycarbonate hoặc tương đương * Có các loại ≤ 4 cổng tối thiểu có loại có 3 cổng và CÓ SẴN ≥ 02 DÂY NỐI (trong đó phải có 01 dây áp lực nối với bộ phận áp lực của máy dsa và 01 dây nối lọ thuốc cản quang) * Đường dẫn trong suốt, đầu xoắn phải xoay vặn dễ dàng để điều khiển dụng cụ * Chịu áp lực tối đa ≥ 500PSI. * Cần gạt của khóa xoay tương ứng với chiều đóng khóa (chữ OFF).	1.500	Cái
130	Dây truyền dịch dùng cho máy truyền tự động	* Bộ ống vô trùng truyền thuốc tê * Chất liệu an toàn không có cao su * Kích thước: dài ≥ 4m, áp lực truyền tối đa 2.0bar * Cấu tạo: Bộ ống có đầu nhọn để cắm vào chai truyền, kẹp con lăn và khóa đầu xoắn, van thông hơi. * Tương thích với máy truyền dịch gây tê Dispenser DP 30 thuộc sở hữu của bệnh viện Đà Nẵng	70	Cái
131	Ống thông đốt sóng cao tần điều trị giãn tĩnh mạch	* Ống thông RF điều trị suy tĩnh mạch hiển * Chất liệu: Kim loại có phủ lớp PTFE hoặc tương đương * Kích thước: chiều dài ≥ 1190mm. Kim có đường kính ≤ 1.9mm và dài ≤ 5mm. * Tương thích với hệ thống điều trị suy giãn tĩnh mạch bằng sóng cao tần (RF), hãng Fcare System NV, Model: EVRF thuộc sở hữu của Bệnh Viện Đà Nẵng.	70	Cái
132	Ống thông có mũi khoan dùng trong khoan phá động mạch vành	* Ống thông có mũi khoan đính kim cương và dụng cụ đẩy * Kích thước: + Đường kính đầu mũi khoan từ 1.25mm đến 2.5mm (tối thiểu có 1.25mm; 1.5mm; 1.75mm; 2.0mm; 2.25mm; 2.50mm). + Chiều dài ống thông ≥ 135cm. * Tương thích với hệ thống máy Rotablator RC5000 của Boston Scientific, Mỹ, thuộc sở hữu bệnh viện Đà Nẵng.	20	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
133	Dây dẫn và dụng cụ điều khiển dây dẫn (Hệ thống bào mảng xơ vữa)	* Dây dẫn can thiệp trong hệ thống bào mảng xơ vữa lòng mạch * Đường kính đầu tip 0.014", chiều dài dây dẫn ≥ 330cm, chiều dài đầu tip khoảng 2.2cm, 2.8cm * Tương thích với hệ thống máy Rotablator RC5000 của Boston Scientific, Mỹ, thuộc sở hữu bệnh viện Đà Nẵng.	20	Cái
134	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch	* Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu *Có cả hai loại cho đường quay và đường đùi. * Đường kính: đủ các kích cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr * Chiều dài tối thiểu có: 11cm ± 1cm và 23cm ± 2cm * Gồm những thành phần sau: - Bơm tiêm 2.5ml - Kim luồn chọc mạch 18G - 21G - Dây dẫn - Que nong - Dụng cụ mở đường mạch máu phủ ái nước có van cầm máu và khoá 3 ngã * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	1.700	Cái
135	Ống thông chẩn đoán mạch vành	* Ống thông chẩn đoán động mạch vành * Dùng qua đường mạch quay để chụp cho cả mạch vành trái và phải * Chất liệu Polyamide hoặc tương đương có sợi bện kép. * Kích thước: đường kính ≤ 5Fr và phải có 5F; chiều dài ≤ 100cm * Tương thích với dây dẫn đường kính ≤ 0.038” * Chịu áp lực tối đa ≥ 1000psi	2.200	Cái
136	Ống thông chẩn đoán mạch vành	* Ống thông chẩn đoán động mạch vành * Có loại cho chụp động mạch vành phải và có loại chụp cho động mạch vành trái * Chất liệu bề mặt là Nylon Pebax hoặc tương đương, chất liệu thân ống là thép không gỉ bện hoặc tương đương. * Có tính cản quang * Kích thước: đường kính có đủ các kích cỡ 4F, 5F và chiều dài ≥ 100cm * Tương thích với dây dẫn đường kính ≤ 0.038”	170	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
137	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp tim mạch	* Ống thông trợ giúp can thiệp mạch vành. * Lòng ống được thiết kế đan lưới. * Kích thước: đầy đủ các kích thước 5F, 6F,7F và 8F với lòng ống tương ứng là 0.058", 0.071", 0.081" và 0.090". * Có nhiều kiểu dáng khác nhau và tối thiểu phải có JL, JR, AL, AR, SL, SAL, EBU. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	1.600	Cái
138	Stent động mạch vành phủ thuốc Amphilimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Amphilimus * Không phủ polymer, phủ hoạt chất ngăn phát tán ion kim loại * Chất liệu: Cobalt Chromium * Có 2 điểm đánh dấu cản quang ở hai đầu * Kích thước: - Đường kính : từ ≤ 2.25mm đến ≥ 4.5mm (tối thiểu có đầy đủ kích thước 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm và 4.5 mm) - Chiều dài : từ ≤ 9mm đến ≥ 46mm (tối thiểu có đầy đủ kích thước 9mm, 13mm, 16mm, 20mm, 26mm, 33mm, 40mm và 46 mm) * Độ dày khung ≤ 80µm * Nồng độ thuốc ≤ 0.9µg/mm² * Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	50	Cái
139	Stent động mạch vành phủ thuốc Biolimus A9	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Biolimus A9 * Chất liệu: Cobalt Chromium * Phủ polymer tự tiêu * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 2.25mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có 2.25 mm và 4.0 mm) + Chiều dài: từ ≤ 9mm đến ≥ 36mm (tối thiểu có 9 mm và 36 mm) - Độ dày thanh chống ≥ 80µm *Nồng độ thuốc: ≥ 15.6µg/mm *Áp suất bóng định danh bóng stent ≤ 8atm. Áp suất vỡ định mức ≤ 16atm *Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	90	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
140	Stent động mạch vành phủ thuốc Biolimus A9	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Biolimus A9 * Chất liệu: Cobalt Chromium * Không phủ lớp polymer tự tiêu * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.25mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có 2.25 mm và 4.0 mm) - Chiều dài: từ ≤ 9mm đến ≥ 36mm (tối thiểu có 9 mm và 36 mm) * Nồng độ thuốc ≥ 15.6µg/mm *Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	80	Cái
141	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus. * Chất liệu: lõi Platinum Chromium có phủ polymer tự tiêu * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 2.25mm đến ≥ 5.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.25 mm, 2.5 mm, 2.75 mm, 3.0 mm, 3.5 mm, 4.0 mm, 4.5mm và 5.0mm) + Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 48mm (tối thiểu có đủ các cỡ 8 mm, 12 mm, 16 mm, 20 mm, 24 mm, 28 mm, 32 mm, 38 mm và 48 mm) *Độ dày thanh chống ≥ 74µm * Nồng độ thuốc ≤ 1.0µg/mm² * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	160	Cái
142	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus. * Chất liệu: Cobalt Chromium hoặc tương đương, có phủ polymer * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.25mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đầy đủ các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.25mm, 3.50mm và 4.00mm). Đường kính nở tối đa ≥ 5.5mm - Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 38mm (tối thiểu có đầy đủ các cỡ 8mm, 12mm, 15mm, 18mm, 23mm, 28mm, 33mm và 38mm) * Độ dày thanh chống ≥ 81µm * Nồng độ thuốc ≤ 1.0µg/mm²	240	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		* Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
143	Stent động mạch vành phủ thuốc Novolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Novolimus * Chất liệu: Cobalt Chromium có phủ polymer. * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.5mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các kích cỡ 2.5mm, 2.75mm; 3.0mm, 3.5mm) - Chiều dài: từ ≤ 14mm đến ≥ 38mm (tối thiểu có đủ các kích cỡ 14mm, 18mm, 23mm, 28mm, 32mm, 38mm) - Độ dày thanh chống ≥ 71µm * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	80	Cái
144	Stent động mạch vành phủ thuốc Ridaforolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Ridaforolimus * Chất liệu: Cobalt-Chromium có phủ polymer. * Kích thước: - Đường kính: Từ ≤ 2.5mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có 2.5 mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm và 4.0 mm) - Chiều dài: Từ ≤ 8mm đến ≥ 44mm (tối thiểu có 8mm,15mm, 20mm, 24mm, 28mm, 33mm, 38mm và 44 mm) * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	150	Cái
145	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus * Chất liệu: Cobalt Chromium có phủ lớp polymer tự tiêu * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.25mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm và 4.0mm). - Chiều dài: từ ≤ 13mm đến ≥ 58mm tối thiểu có đủ các cỡ 13mm, 16mm, 19mm, 23mm, 29mm, 38mm, 48mm, 58mm) - Độ dày thanh chống ≥ 75µm * Áp lực bơm bóng thường ≤ 10atm, Áp lực tối đa: ≥ 16atm	165	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		* Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
146	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus * Chất liệu: Cobalt Chromium có phủ polymer * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.0mm đến ≥ 4.5mm (tối thiểu có 2.0 mm, 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm, 4.00mm và 4.5mm) - Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 48mm (tối thiểu có 8mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm và 48 mm) - Độ dày thanh chống ≥ 60µm * Nồng độ thuốc ≤ 1.4µg/mm² * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	100	Cái
147	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus * Chất liệu: Cobalt Chromium có phủ lớp polymer * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.0mm đến ≥ 4.5mm (tối thiểu có đủ các cỡ: 2.00mm, 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm, 4.00mm và 4.50mm) - Chiều dài: từ ≤ 9mm đến ≥ 48mm * Nồng độ thuốc ≤ 1.4µg/mm² * Áp lực bơm bóng bình thường ≤ 12atm, áp lực vỡ bóng định mức ≤ 22 atm * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	90	Cái
148	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus * Chất liệu: Cobalt Chromium có phủ polymer. * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 2.0mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.00mm, 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm và 4.00mm) + Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 40mm (tối thiểu có đủ các cỡ 8mm, 12mm, 16mm, 18mm, 21mm, 24mm, 28mm, 32mm và 40mm)	100	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		+ Độ dày thanh chống ≥ 68µm, chu vi mắt cáo mở vào nhánh bên tối đa ≥ 12.6mm *Nồng độ thuốc: ≤ 12.5µg/mm *Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
149	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus * Vật liệu: Cobalt Chromium có phủ polymer tự tiêu * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.25mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm và 4.0mm) - Chiều dài; từ ≤ 9mm đến ≥ 40 mm (tối thiểu có đủ các cỡ 9mm, 13mm, 15mm, 18mm, 22mm, 26mm, 30mm, 35mm và 40mm). - Độ dày thanh chống nhỏ nhất ≤ 60µm * Nồng độ thuốc ≤ 1.4µg/mm². * Áp lực bơm bóng bình thường ≤ 10atm, áp lực vỡ bóng định mức ≤ 16atm * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	120	Cái
150	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus * Chất liệu: lõi Cobalt Chromium có phủ polymer * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.25mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.50mm và 4.00mm). Đường kính nở tối đa ≥ 5.5mm - Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 48mm - Độ dày thanh chống ≥ 65µm	70	Cái
151	Stent động mạch vành có màng bọc	* Khung giá đỡ động mạch có màng bọc. * Công dụng giúp giữ lòng mạch mở rộng, dùng để bít lỗ thủng hoặc vỡ động mạch, phình động mạch hoặc ghép động mạch vành * Chất liệu: Cobalt Chromium, có phủ bởi 1 lớp màng siêu mỏng làm bằng PTFE hoặc tương đương * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.5mm đến ≥ 5.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.50mm,	5	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		2.75mm, 3.00mm, 3.50mm và 5.0mm) - Chiều dài từ ≤ 8 mm đến ≥ 24mm (tối thiểu có đủ các cỡ 8mm, 24mm)		
152	Stent động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc zotarolimus. * Chất liệu: Cobalt Chromium * Phủ polymer vĩnh cửu hoặc tương đương * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.25mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm và 4.0mm) - Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 38mm (tối thiểu có đủ các cỡ 8mm, 12mm, 15mm, 18mm, 22mm, 26mm, 30mm, 34mm và 38mm) * Độ dày thanh khung giá đỡ ≤ 91µm. Độ mở rộng mắt cáo tối đa ≥ 3.7mm *Áp lực bơm bóng thường ≤ 12atm, áp lực vỡ bóng định mức ≤ 18atm * Liều lượng thuốc: ≤ 1.6µg/mm² * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	150	Cái
153	Stent động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc zotarolimus. * Chất liệu : lõi Platium-Irridium hoặc tương đương. * Phủ polymer vĩnh cửu hoặc tương đương * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.0mm đến ≥ 5.0mm (tối thiểu có 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm) - Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 38mm (tối thiểu có 8mm, 12mm, 15mm, 18mm, 22mm, 26mm, 30mm, 34mm, 38mm) - Độ mở rộng đường kính tối đa tương ứng với từng kích thước đường kính là từ ≥ 3.5mm đến ≥ 6.0mm * Độ dày thanh stent ≤ 91µm. * Áp lực bơm bóng thường ≤ 12atm, áp lực vỡ bóng định mức ≤ 18atm. * Nồng độ thuốc: ≤ 1.6 µg/mm². * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	220	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
154	Vi ống thông can thiệp tim mạch	* Vi ống thông can thiệp mạch vành, có thể dùng cho can thiệp ngược dòng. * Phủ lớp ái nước. * Vật liệu lõi là thép không gỉ hoặc tương đương. Thiết kế giúp thao tác vừa xoay vừa đẩy. * Kích thước: + Chiều dài khoảng ≥ 135cm (tối thiểu có 135cm và 150cm). * Đường kính đầu tận ≤ 1.3Fr.	80	Cái
155	Vi ống thông can thiệp tim mạch	* Vi ống thông can thiệp mạch vành * Chất liệu: Mặt trong phủ PTFE hoặc tương đương, mặt ngoài phủ lớp ái nước. * Đoạn đầu có điểm đánh dấu cản quang * Kích thước: + Chiều dài ≥ 130cm (tối thiểu có 130cm và 150cm). + Đường kính ngoài đoạn xa: ≤ 1.8Fr, đoạn gần: ≤ 2.6Fr.	30	Cái
156	Vi ống thông can thiệp tim mạch	* Vi ống thông can thiệp mạch vành. * Phủ lớp ái nước và có đánh dấu cản quang ở đầu xa. * Kích thước: Đầu mũi dài 0.6mm thuôn dần, độ dài vi ống thông ≥ 130cm. Đường kính ngoài đoạn xa: ≤ 1.7Fr, đoạn gần: ≤ 2.5Fr.	30	Cái
157	Vi ống thông can thiệp siêu nhỏ 2 nòng	* Vi ống thông mạch vành có 2 nòng * Đường kính đầu xa ≤ 0.43mm, chiều dài ≤ 140cm	20	Cái
158	Ống thông nối dài dùng trong can thiệp động mạch vành	* Ống thông mở rộng trợ giúp can thiệp mạch vành * Đường kính trong ≥ 0.052" * Độ dài ống thông ≥ 145cm * Tương thích với ống thông can thiệp ≥ 6Fr * Ống thông đoạn mở rộng đi sâu vào động mạch vành có chiều dài ≥ 25cm * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	40	Cái
159	Dây dẫn đường cho ống thông	* Dây dẫn chẩn đoán dùng trong tim mạch * Có tính cản quang * Lõi bằng thép không gỉ, phủ PTFE hoặc tương đương * Kích thước:	200	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		+ Đường kính ≤ 0.035” + Chiều dài ≥ 150cm (tối thiểu có đủ các chiều dài 150cm và 260cm) * Hình dạng đầu dây chữ J.		
160	Dây dẫn đường cho ống thông	* Dây dẫn chẩn đoán dùng trong tim mạch * Có tính cản quang * Lõi bằng Nitinol hoặc tương đương, lớp áo trơn nhẵn, ái nước. * Kích thước: + Đường kính ≤ 0.035” + Chiều dài ≥ 150cm (tối thiểu có đủ các chiều dài 150cm và 260cm) * Hình dạng đầu dây chữ J.	2.360	Cái
161	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	* Dây dẫn can thiệp mạch vành, có loại dây dẫn nối dài. * Chất liệu: thép không gỉ, phủ lớp ái nước hoặc silicon hoặc tương đương. * Chiều dài: từ ≤ 165cm đến ≥ 180cm (tối thiểu có 165cm và 180cm). * Lực đẩy của đầu tip: từ ≥ 0.5gf (tối thiểu có 0.5gf, 0.7gf, 0.8gf).	900	Cái
162	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	* Dây dẫn can thiệp động mạch vành. * Kích thước: Đường kính ≤ 0.014", Chiều dài ≤ 180cm; * Chiều dài phần đầu cản quang: 3cm * Hình dạng đầu: thẳng *Vật liệu: phần lõi là Nickel – Titanium hoặc tương đương; lớp cuộn đoạn đầu là Platinum hoặc tương đương và đoạn sau là thép không gỉ có lớp phủ bề mặt lõi. * Lực đẩy của đầu tip: ≥ 0.6gf.	900	Cái
163	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	*Dây dẫn can thiệp động mạch vành * Kích thước: Đường kính 0.014", Chiều dài ≥ 180cm (tối thiểu có 190cm và 300cm) * Cấu tạo: Dải định hình làm bằng thép không gỉ, lõi phía xa làm bằng Nitinol, Phủ ái nước - Cuộn lò xo đầu chóp bằng chất liệu cản quang có chiều dài ≥ 3cm - Điểm đánh dấu tùy chọn bằng chất liệu cản quang Vàng/tin hoặc tương đương ở vị trí ≥ 4.5cm * Độ cứng đầu chóp: 0.7gf	200	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		* Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
164	Vi dây dẫn dùng cho can thiệp tổn thương hẹp	* Dây dẫn can thiệp mạch vành dùng trong tắc mạn tính hoặc tổn thương rất cứng. * Chất liệu: thép không gỉ, phủ silicon ái nước hoặc tương đương. * Chiều dài: từ ≤180 cm đến ≥ 330cm (tối thiểu có180cm, 190cm, 300cm). * Lực đẩy của đầu tip: từ 0.3gf đến 12gf.	150	Cái
165	Bóng nong mạch vành áp lực bán đàn hồi phủ thuốc Sirolimus	*Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus * Bóng áp lực bán đàn hồi hoặc không đàn hồi * Chất liệu bóng: Polyamide / Nylon / Pebax hoặc tương đương * Hàm lượng thuốc: ≤ 1.27µg/mm² * Kích thước bóng: + Đường kính: từ ≤ 1.5mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các đường kính: 1.5mm, 2.00mm, 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm, 4.00mm) + Chiều dài: từ ≤ 10mm đến ≥ 40mm (tối thiểu có đủ các chiều dài: 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 40mm.) * Tiết diện đầu vào của bóng ≤ 0.016" *Áp lực định danh ≤ 6 bar, áp lực vỡ bóng ≥ 14 bar * Số nếp gấp bóng: 02-03 nếp gấp. * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	100	Cái
166	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus có đường kính đến 5.0 mm và độ giãn nở đến 5.75 mm	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus. * Chất liệu: Cobalt Chromium có phủ polymer * Kích thước: + Đường kính: từ ≤ 2.0mm đến ≥ 5.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm) + Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 48mm (tối thiểu có đủ các cỡ 8 mm, 12 mm, 15 mm, 18mm, 23 mm, 28 mm, 33 mm, 38 mm và 48 mm) + Đường kính giãn nở tối đa ≥ 5.75 mm * Độ dày thanh chống ≥ 81µm	100	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		* Nồng độ thuốc ≤ 1.0µg/mm² * Áp lực định danh: ≥ 9atm , Áp lực nổ bóng định mức ≥ 16atm * Chiều dài thân hữu dụng ≤ 145cm * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
167	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi cto	* Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi. * Vật liệu: Polyamide cải tiến/bán cứng hoặc tương đương . * Phủ lớp ái nước * Có 01 điểm làm bằng chất liệu cản quang để đánh dấu ở giữa hoặc ở đầu. * Tiết diện đầu vào ≤ 0.016". * Chiều dài đầu tận của bóng từ 1mm đến 4mm. • Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 1.0mm đến ≥1.5mm (tối thiểu có đủ các cỡ 1.0mm, 1.25mm và 1.5mm) - Chiều dài: từ ≤ 8mm đến ≥ 20mm (tối thiểu có đủ các cỡ 8mm, 12mm, 15mm và 20mm) * Áp lực định danh: ≥ 8atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 18atm * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	50	Cái
168	Stent động mạch vành tự tiêu phủ thuốc Sirolimus	* Khung giá đỡ mạch vành tự tiêu phủ thuốc Sirolimus * Chất liệu: hợp kim Magnesium, phủ Polymer * Kích thước: - Đường kính: từ ≤ 2.5mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm và 4.0mm) - Chiều dài: từ ≤ 13mm đến ≥ 30 mm (tối thiểu có đủ các cỡ 13mm, 18mm, 22mm, 26mm, 30mm). * Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	30	Cái
169	Xốp cầm máu không tiêu sử dụng cho cầm máu sau can thiệp loại nhỏ	Miếng cầm máu vết chọc mạch máu, không tiêu - Thành phần từ 100% tự nhiên có khả năng tạo màng sinh học giúp cầm máu. - Kích thước: chiều dài ≥30mm x chiều rộng ≥30mm	200	Miếng

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		
170	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Biolimus A9	* Bóng nong mạch vành bán đàn hồi chất liệu Pebax 7233 hoặc tương đương - Phủ thuốc Biolimus A9 với hàm lượng ≥ 3µg/mm², chất mang Poly(ethylene oxide) - PEO hoặc tương đương - Kích thước: + Đường kính bóng: ≤ 2.0mm đến ≥ 4.0mm trong đó có đủ 2.0mm; 2.25mm; 2.5mm; 2.75mm; 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm + Chiều dài: ≤ 10mm đến ≥ 45mm - Đường kính thân đoạn xa: ≤ 2.6F, đoạn gần: ≤ 2.1F. - Áp lực định danh: ≤6atm. - Áp lực tối đa: ≥14atm - Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	50	Cái
171	Catheter siêu âm lòng mạch	đầu dò siêu âm lòng mạch tích hợp cận hồng ngoại Kích thước đầu vào ≤ 2.5Fr Đường kính ngoài trục đoạn gần ≤ 3.6Fr Tương thích hướng dẫn can thiệp 6Fr Tương thích với dây dẫn 0.014" Dải tần số IVUS: 35 - 65MHz; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	50	Cái
172	Ống thông bóng nong phá mảng vôi hóa nội mạch vành (IVL)	* Ống thông có bóng nong phá mảng vôi hóa nội mạch vành (IVL) - Ống thông có bóng nong tích hợp điện cực sóng xung kích giúp phá hủy các mảng vôi hóa để điều trị trước và nong mạch bằng bóng các tổn thương vôi hóa động mạch vành nặng. - Chế độ hoạt động: 1 xung/1 giây, ≥10 xung liên tiếp trong một chu kỳ, mỗi ống thông tối đa ≥ 8 chu kỳ. - Chiều dài hoạt động: 1420 mm - Chất liệu bóng: Pebax và Nylon 12 tương đương	50	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Đường kính bóng: từ ≤ 2.0mm đến ≥ 4.0mm - Chiều dài bóng: từ ≤ 12mm đến ≥ 15mm - Áp suất điều trị: ≥ 6atm - Áp suất danh định: ≥ 8atm - Áp suất vỡ danh định ≥ 20atm - Tương thích dây dẫn 0.014" và ống thông 5F		
173	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Khung giá đỡ mạch vành phủ Sirolimus: - Chất liệu Cobalt Chromium L605, phủ polymer. - Nồng độ thuốc ≤ 1.3µg/mm² - Kích thước: Đường kính từ ≤ 2.0mm đến ≥ 4.5mm (tối thiểu có đường kính 3.25mm). Chiều dài Stent từ ≤ 8mm đến ≥ 40mm (tối thiểu có 8mm, 10mm, 12mm, 15mm, 18mm, 22mm, 25mm, 29mm, 34mm, 36mm, 38mm, 40mm). - Độ dày thanh chống ≤ 75µm. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	100	Cái
174	Bóng nong mạch vành có dây dẫn trên bề mặt bóng	Bóng nong mạch vành bề mặt có dây kim loại cho tổn thương vôi hóa *Đường kính ngoài của dây dẫn ≥ 0.011" *Đường kính: từ ≤ 2.00mm đến ≥ 4.0mm (tối thiểu có đủ các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 3.0mm 3.25mm, 3.5mm, 4.0mm) *Chiều dài: từ ≤ 6mm đến ≥ 30mm (tối thiểu có đủ các cỡ 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 15mm, 20mm, 23mm, 25mm và 30mm) * Có áp lực định danh ≥ 12atm, áp lực nổ bóng định ≥ 22atm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	50	Cái
175	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao, vai bóng siêu ngắn (cho tổn thương thân chung, phân nhánh,…)	* Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao cho tổn thương thân chung, phân nhánh,… * Có vai bóng ≤ 0.6mm * Kích thước: - Đường kính từ ≤ 2.25mm đến ≥ 5.0mm. (tối thiểu có đủ các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm và 5.0mm).	50	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Chiều dài từ ≤ 6mm đến ≥ 15mm. (tối thiểu có đủ các cỡ 6mm, 8mm, 10mm, 12mm và 15mm) * Tiết diện đầu vào ≤ 0.016" *Có áp lực dịnh danh ≥ 12 atm, áp lực nổ bóng định mức ≥ 20 atm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
176	Bóng nong mạch vành áp lực cao, có đường kính đến 6.0 mm	* Bóng nong động mạch vành áp lực cao * Chất liệu Nylon, Pebax hoặc tương đương * Kích thước: - Đường kính: ≤ 1.5mm đến ≥ 6.0mm trong đó có đủ các kích thước 1.5mm, 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0mm - Chiều dài: ≤6mm đến ≥25mm trong đó có đủ các kích thước 6mm, 8mm, 12mm, 15mm, 20mm - Áp lực định danh ≥ 12atm - Áp lực vỡ bóng ≥ 18atm - Chiều dài thân ống thông: ≤ 145cm - Tương thích dây dẫn tối đa: 0.014" - Tiết diện vào đầu chóp ≤ 0.020" - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	50	Cái
177	Bộ dụng cụ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường (Combitrans Monitoring Set)	Bộ dụng cụ theo dõi và đo áp lực động mạch và tĩnh mạch trung tâm qua dầu chuyển đổi dùng một lần, phù hợp với cáp kết nối màn hình theo dõi bệnh nhân Bộ cơ bản gồm: - Intrafix M: bộ kiểm soát dòng chất lỏng (20 giọt= 1ml) - Flush device: kiểm soát dòng của combitrans - Transducer: hoạt động bằng chip, có đầu cắm vào máy theo dõi bệnh nhân - Discofix -3: Khóa 3 đầu - Dây combidyn 125cm - Dây combidyn 20cm	1.000	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Van khóa an toàn 2 chiều 90° Tương thích với hệ thống DSA Phillip thuộc sở hữu của bệnh viện		
178	Dome đo huyết động xâm lấn cho DSA	Bộ dụng cụ theo dõi và đo áp lực động mạch và tĩnh mạch trung tâm qua dầu chuyển đổi dùng một lần, phù hợp với cáp kết nối màn hình theo dõi bệnh nhân Chất liệu không latex, tương thích flush device 3ml/h Dome kết nối khô ráo, không có nước giữa cảm biến và dome Tương thích với hệ thống DSA Siemens thuộc sở hữu của bệnh viện	1.000	Bộ
179	Chỉ khâu liền kim, loại 2 đầu kim 2/0, 3/0	Chỉ chất liệu polytetrafluoroethylene (PTFE) hoặc tương đương, dùng trong mổ tim. Chiều dài chỉ khoảng từ 70cm - 90cm. Kim vòng 3/8 hoặc 1/2, gồm 2 đầu kim. Chiều dài kim từ 15mm - 20mm. Chỉ các số 3/O và 2/0.	120	Sợi
180	Van tim động mạch chủ cơ học cỡ 19-25	Van động mạch chủ cơ học các cỡ từ 19 đến 25. - Góc mở lá van tới 85° - 90°. - Có thiết kế ổn định dòng chảy, giúp ngăn ngừa sự xâm lấn của mô. - Chất liệu Pure pyrolytic carbon hoặc tương đương. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	19	Cái
181	Van tim hai lá cơ học cỡ 25-33	Van tim hai lá cơ học các cỡ từ 25-33. - Góc mở lá van tới 85° - 90°. - Có thiết kế giúp ngăn ngừa sự xâm lấn của mô. - Có thiết kế bảo vệ cánh van, chống kẹt van. - Chất liệu Pure pyrolytic carbon hoặc tương đương. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	19	Cái
182	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đa sợi 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 2/0 dùng cho mổ tim, đóng gói thành tép gồm 8-10 sợi với hai màu tương phản, sợi bện phủ silicone (hoặc tương đương), sợi chỉ dài khoảng 75cm - 90cm. Gồm 2 kim cong 1/2 vòng tròn, đầu kim tròn hoặc cắt, kích thước khoảng 22mm - 26mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	1.560	Sợi

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
183	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đa sợi, loại 2 kim cong 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 2/0 dùng cho mổ tim, đóng gói thành tép gồm 8-10 sợi với hai màu tương phản, sợi bện phủ silicone (hoặc tương đương), sợi chỉ dài khoảng 75cm - 90cm. Gồm 2 kim cong 1/2 vòng tròn, đầu kim tròn hoặc cắt, kích thước khoảng 17mm - 20mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	600	Sợi
184	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đa sợi, loại 2 kim cong 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 2/0 dùng cho mổ tim, đóng gói thành tép gồm 8-10 sợi với hai màu tương phản, sợi bện phủ silicone (hoặc tương đương), sợi chỉ dài khoảng 75cm - 90cm. Gồm 2 kim cong 1/2 vòng tròn, đầu kim tròn hoặc cắt, kích thước khoảng 22mm - 26mm. Kèm miếng đệm PTFE hoặc tương đương, kích thước khoảng từ 6mm x 3mm đến 8mm x 3mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	600	Sợi
185	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đa sợi, loại 2 kim tròn 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 3/0 dùng cho mổ tim, sợi bện phủ silicone (hoặc tương đương), sợi chỉ dài khoảng 75cm - 90cm. Gồm 2 kim cong 1/2 hoặc 3/8 vòng tròn, kim tròn kích thước khoảng 17mm - 20mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	480	Sợi
186	Chỉ khâu liền kim không tiêu tổng hợp đơn sợi, loại 2 kim tròn 6/0	Chỉ không tan, đơn sợi, tổng hợp Polypropylene hoặc tương đương, dùng trong mổ tim mạch, số 6/0, dài 75cm - 90cm. Gồm 2 kim tròn, kim 3/8 vòng tròn, kích thước kim 9mm - 13mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	468	Sợi
187	Chỉ thép khâu xương ức số 5	Chỉ thép khâu xương ức số 5, chất liệu 316L hoặc tương đương, dài 45cm - 50cm. Kim tròn cong 1/2 vòng tròn, dài 48mm - 55mm. Đầu kim cắt hoặc tam giác. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	816	Sợi
188	Chỉ thép khâu xương ức số 2	Chỉ thép khâu xương ức số 2, chất liệu 316L hoặc tương đương, dài 45cm - 50cm. Kim tròn cong 1/2 vòng tròn, dài 37mm - 40mm. Đầu kim cắt hoặc tam giác.	60	Sợi

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
189	Miếng banh bọc phẫu trường dùng trong phẫu thuật tim phẫu trường nhỏ	Miếng banh bọc phẫu trường làm bằng Silicone (hoặc tương đương) sử dụng trong phẫu thuật tim ít xâm lấn (mổ tim nội soi) gồm các cỡ và tối thiểu phải có cỡ sử dụng cho đường rạch kích thước từ 2cm đến 6cm	40	Cái
190	Shunt trong lòng động mạch vành	Shunt mạch vành với thân mềm. Cấu tạo gồm 3 phần: shunt, dây buộc và thẻ nhãn kích thước. Shunt và dây buộc được làm từ chất liệu đánh dấu cản quang. Có các cỡ 1mm - 2mm.	15	Cái
191	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu	Chất liệu màng ngoài tim bò hoặc tương đương. Đảo bảo tính tương thích sinh học. Độ dày trong khoảng từ 0.30mm đến 0.80mm. Kích thước tối thiểu cỡ từ 3.5cm x 5.0cm trở lên	19	Miếng
192	Bộ dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu kèm dụng cụ nạp chốt titan	Dụng cụ thắt-cắt chỉ có chiều dài làm việc 15cm - 20cm, đường kính vỏ khoảng 3.5mm - 5.5mm Dụng cụ nạp chốt với chốt làm từ chất liệu titan y tế hoặc tương đương	19	Bộ
193	Chốt titan thắt chỉ	Dụng cụ nạp chốt với chốt làm từ chất liệu titan y tế hoặc tương đương	78	Chiếc
194	Chỉ khâu liền kim không tiêu tổng hợp đơn sợi, loại 2 kim tròn 3/0	Chỉ không tan, đơn sợi, tổng hợp Polypropylene hoặc tương đương, dùng trong mổ tim mạch, số 3/0, dài 75cm - 90cm. Gồm 2 kim tròn, kim 1/2 vòng tròn, kích thước kim 25mm - 27mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	600	Sợi
195	Chỉ khâu liền kim không tiêu tổng hợp đơn sợi, loại 2 kim tròn 5/0	Chỉ không tan, đơn sợi, tổng hợp Polypropylene hoặc tương đương, dùng trong mổ tim mạch, số 5/0, dài 75cm - 90cm. Gồm 2 kim tròn, kim 1/2 hoặc 3/8 vòng tròn, kích thước kim 15mm - 18mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	1.800	Sợi
196	Chỉ khâu liền kim không tiêu tổng hợp đơn sợi, loại 2 kim tròn 7/0	Chỉ không tan, đơn sợi, tổng hợp Polypropylene hoặc tương đương, dùng trong mổ tim mạch, số 7/0, dài 60cm-75cm. Gồm 2 kim tròn, kim 3/8 vòng tròn, kích thước kim 8-10mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	540	Sợi

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
197	Chỉ khâu liền kim không tiêu tổng hợp đơn sợi, loại 2 kim tròn 5/0	Chỉ không tan, đơn sợi, tổng hợp Polypropylene hoặc tương đương, dùng trong mổ tim mạch, số 5/0, dài 75cm - 90cm. Gồm 2 kim tròn, kim 1/2 hoặc 3/8 vòng tròn, kích thước kim 12mm - 14mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	720	Sợi
198	Cannula động mạch người lớn các cỡ	Cannulae động mạch mũi thẳng, hoặc cong, có lò xo xoắn tăng cường, dài 8" - 12" (20cm - 30cm), các cỡ	20	Cái
199	Cannula liệt tim đặt vào lỗ động mạch vành	Cannulae truyền dịch liệt tim qua lỗ động mạch vành, đầu các cỡ trong khoảng 3.0mm - 4.5mm, đầu gấp trong khoảng 90° - 145°, dài khoảng 130-200mm, thân cứng bằng thép không gỉ hoặc tương đương.	30	Cái
200	Cannula truyền dịch liệt tim nội soi người lớn cỡ 12Ga, 14Ga	Cannulae truyền dịch liệt tim gốc động mạch chủ dùng trong mổ tim phẫu trường nhỏ có hỗ trợ nội soi, các cỡ 12Ga - 14Ga (7Fr - 9Fr), dài 30cm - 35cm	20	Cái
201	Cút nối đường tĩnh mạch dành cho thiết bị đo SvO2 các cỡ	Cút nối đường tĩnh mạch dành cho máy đo SvO2 các cỡ 1/2", 3/8" và 1/4". Vật tư tương thích với máy tim phổi nhân tạo S5, hãng Sorin Group/ LivaNova thuộc sở hữu bệnh viện	240	Cái
202	Van tim nhân tạo cơ học hai lá	Van hai lá nhân tạo cơ học được phủ chất tương thích sinh học các cỡ. Độ mở lá van 78° - 85°. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	24	Cái
203	Bộ tim phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim tích hợp phin lọc động mạch, kèm dây dẫn	1.Phổi Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch, có phủ chất tương thích sinh học, gồm các cỡ khác nhau. Phin lọc động mạch cỡ dưới 40micron. 1.1. Phổi cỡ lớn: - Diện tích màng lọc: khoảng 1.4m²-2.5m² - Lưu lượng máu tối đa: khoảng 4.0L/phút-8.0L/phút - Thể tích dịch mồi tĩnh (oxygenator và phần trao đổi nhiệt): khoảng dưới 300ml - Dung tích bình dự trữ: khoảng 3000ml-4500ml - Thể tích tối thiểu của bình dự trữ đảm bảo để chạy máy tim phổi: khoảng 70ml-200ml	130	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		1.2. Phổi cỡ nhỏ: - Diện tích màng lọc: khoảng 0.5m²-1.0m² - Lưu lượng máu tối đa: khoảng 1.5L/phút-2.6L/phút - Thể tích dịch mồi tĩnh (oxygenator và phần trao đổi nhiệt): khoảng dưới 85ml - Dung tích bình dự trữ: khoảng 1000ml-1500ml - Thể tích tối thiểu của bình dự trữ đảm bảo để chạy máy tim phổi: khoảng 15ml-35ml 2.Dây dẫn : Gồm bộ dây dẫn chạy máy phù hợp với phổi và với từng hạng cân. Các đoạn dây qua đầu bơm bằng Silicone hoặc tương đương, các đoạn khác là PVC hoặc tương đương. Kèm theo có các cút nối và phụ kiện tương thích.		
204	Quả lọc máu	Quả lọc máu, lọc nước và một số yếu tố khác (ure, creatinin,…) các cỡ, có cấu tạo bởi màng polyethersulfone (hoặc tương đương), có tính tương thích sinh học cao. Quả lọc được đóng kèm dây dẫn đồng bộ và túi đựng chất thải dịch tích hợp. Dùng trong phẫu thuật tim.	195	Bộ
205	Dung dịch bảo quản tạng	Dùng để bảo quản tạng trong quá trình ghép tạng (thận, gan, tuyến tuỵ, tim) và sử dụng phẫu thuật tim	195	Túi
206	Cannula động mạch đầu thẳng	Cannulae động mạch đầu thẳng, gồm các cỡ, tối thiểu có cỡ 18Fr - 20Fr và 12Fr - 14Fr	60	Cái
207	Cannula gốc động mạch chủ	Cannulae truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng gốc động mạch chủ, các cỡ, có đường thông khí riêng biệt (vent line), loại đầu tiêu chuẩn và kim chọc mạch từ thép không gỉ, dài 4.5" - 6.5" (11cm - 16cm).	40	Cái
208	Cannula tĩnh mạch đùi đa tầng	Cannulae tĩnh mạch đùi dùng trong phẫu thuật tim ít xâm lấn kèm bộ kít can thiệp qua da, các cở, tối thiểu có các số 15Fr; 19Fr; 21Fr; 23Fr; 25Fr, co nối 3/8 hoặc 1/2, dài 60cm - 80cm, thân được thiết kế chống xoắn	20	Cái
209	Cannula động mạch đùi hoặc tĩnh mạch cảnh	Cannulae động mạch đùi hoặc tĩnh mạch cảnh kèm bộ kít can thiệp qua da, các cỡ tối thiểu có các số 15Fr; 19Fr; 21Fr; 23Fr; 25Fr, đầu nối 3/8", dài 30cm - 40cm, thân có thiết kế linh hoạt chống xoắn	25	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
210	Cannula tĩnh mạch một tầng	Cannulae tĩnh mạch 1 tầng mũi cong, đầu kim loại xiên góc có lỗ thông và thân chống xoắn, các cỡ 12Fr - 31Fr, co nối 1/4 hoặc 3/8, dài 30cm - 40cm	50	Cái
211	Cannula tĩnh mạch hai tầng với vòng xoắn kim loại tăng cường các cỡ	Cannulae tĩnh mạch hai tầng có vòng xoắn kim loại tăng cường chống xoắn các cỡ. Đầu ra kết nối cỡ 3/8" hoặc 1/2". Dài khoảng 35cm - 45cm	35	Cái
212	Cannula hút tim trái các cỡ	Cannulae hút tim trái các cỡ, với đầu có nhiều lỗ thông, dài khoảng 30cm - 45cm.	30	Cái
213	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đa sợi, loại 2 kim cong 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 2/0 dùng cho mổ tim, đóng gói thành tép gồm 8-10 sợi với hai màu tương phản, sợi bện phủ silicone (hoặc tương đương), sợi chỉ dài khoảng 75cm - 90cm. Gồm 2 kim cong 1/2 vòng tròn, đầu kim tròn hoặc cắt. kích thước khoảng 17mm - 20mm. Kèm miếng đệm chất liệu PTFE hoặc tương đương, kích thước khoảng từ 3mm x 3mm đến 7mm x 3mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	930	Sợi
214	Chỉ khâu liền kim không tiêu tổng hợp đơn sợi, loại 2 kim tròn 4/0	Chỉ không tan, đơn sợi, tổng hợp Polypropylene hoặc tương đương, dùng trong mổ tim mạch, số 4/0, dài 75cm - 90cm. Gồm 2 kim tròn, kim 1/2 vòng tròn, kích thước kim 20mm - 22mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	2.400	Sợi
215	Chỉ khâu liền kim không tiêu tổng hợp đơn sợi, loại 2 kim tròn 8/0	Chỉ không tan, đơn sợi, tổng hợp Polypropylene hoặc tương đương, dùng trong mổ tim mạch, số 8/0, dài 45cm - 60cm. Gồm 2 kim tròn, kim 3/8 vòng tròn, kích thước kim 6mm - 7mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	144	Sợi
216	Cannula mềm hút máu trong tim	Ống hút trong hoặc ngoài tim các cỡ, đầu nối 1/4", dài khoảng 30cm - 40cm.	30	Cái
217	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu. Vật tư tương thích với máy ACT 200 Medtronic thuộc sở hữu của bệnh viện.	1.100	Cái
218	Vòng van tim hai lá nhân tạo	Vòng van tim hai lá nhân tạo các cỡ. Thiết kế dạng vòng van kín, loại cứng hoặc bán cứng. Được thiết kế để phục hồi hình dạng tự nhiên của vòng van 2 lá.	39	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		
219	Dụng cụ đục động mạch chủ	Dụng cụ đục lỗ động mạch chủ, độ dài tiêu chuẩn, đầu cắt hình nón đường kính các cỡ từ 3.5mm - 4.5mm	24	Cái
220	Van tim động mạch chủ nhân tạo cơ học	Van tim động mạch chủ nhân tạo cơ học các cỡ. - Cấy ghép kiểu ngồi trên vòng van (Supra-annular). - Độ mở lá van 78° - 85° - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	30	Cái
221	Van tim động mạch chủ sinh học	Van tim động mạch chủ sinh học các cỡ. Được thiết kế, xử lý chống canxi hoá giúp đảm bảo độ bền cho van. Giá đỡ giúp giảm áp lực lên lá van. Thiết kế cho phép cấy ghép kiểu ngồi trên vòng van (Supra - annular) Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	26	Cái
222	Van tim hai lá sinh học	Van tim hai lá sinh học các cỡ. Được thiết kế, xử lý chống canxi hoá giúp đảm bảo độ bền cho van. Giá đỡ giúp giảm áp lực lên lá van. Thiết kế cho phép thu lệch trụ khung van vào trong để thuận lợi khi cấy ghép. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	29	Cái
223	Vòng van tim ba lá nhân tạo	Vòng van tim ba lá nhân tạo các cỡ. Thiết kế dạng vòng kín hoặc hở, loại vòng cứng hoặc mềm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	52	Cái
224	Mạch máu nhân tạo 4 nhánh	Mạch máu nhân tạo loại thẳng kèm theo 04 nhánh bên, chất liệu Polyester hoặc tương đương, được ngâm tẩm với collagen/Gelatin. Chiều dài mạch khoảng 40cm - 50cm, gồm các cỡ 24mm, 26mm, 28mm. Các nhánh bên có cỡ khoảng 8-11mm.	7	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
225	Mạch máu nhân tạo thẳng	Mạch máu nhân tạo loại thẳng, chất liệu Polyester hoặc tương đương, được ngâm tẩm với collagen/Gelatin, chiều dài khoảng 25cm - 50cm. Gồm các cỡ và tối thiểu phải có cỡ: 8-10mm, 24mm, 26mm, 28mm.	26	Cái
226	Bộ lọc máu hoàn hồi	Bộ lọc máu hoàn hồi gồm: Bầu chứa ly tâm các cỡ (kích cỡ bầu chứa 50ml - 60ml; 120ml - 130ml; 170ml - 180ml và 220ml - 230ml); Bình thu hồi máu; Vật tư tiêu hao đồng bộ kèm theo. Vật tư tương thích với máy lọc máu hoàn hồi Xtra, hãng Sorin Group/ LivaNova thuộc sở hữu của bệnh viện.	31	Bộ
227	Bộ tim phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim kèm dây dẫn, hạng cân trên 15-20kg	Phổi nhân tạo có phủ chất tương thích sinh học, gồm nhiều cỡ khác nhau 1. Diện tích màng lọc: khoảng 1.4m²-2.5m² 2. Lưu lượng máu tối đa: khoảng 4.0L/phút-8.0L/phút 3. Thể tích dịch mồi tĩnh (oxygenator và phần trao đổi nhiệt): khoảng dưới 300ml 4.Dung tích bình dự trữ: khoảng 3000ml-4500ml 5. Thể tích tối thiểu của bình dự trữ đảm bảo để chạy máy tim phổi: khoảng 70ml-200ml -Kèm theo bộ dây dẫn chạy máy phù hợp với phổi và với từng hạng cân. Các đoạn dây qua đầu bơm bằng Silicone hoặc tương đương, các đoạn khác là PVC hoặc tương đương. Kèm theo có các cút nối và phụ kiện tương thích.	150	Bộ
228	Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng	Cannulae truyền dịch liệt tim ngược dòng chất liệu silicone (hoặc tương đương), cỡ khoảng 13F-15F, thân chống xoắn, có dây dẫn đi kèm, dài khoảng 30cm - 35cm	10	Cái
229	Chỉ thép điện cực	Chỉ thép điện cực số 3/0, dài 60cm - 75cm, áo bao Polyethylene (hoặc tương đương), dùng trong mổ tim. Có 01 đầu kim 17mm - 20mm, kim 1/2 vòng tròn, kim tròn. Và 01 đầu kim thẳng 60mm - 70mm, kim tam giác. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	550	Sợi
230	Miếng đệm mạch máu	Miếng đệm mạch máu cấu tạo bằng chất liệu PTFE kích thước tối thiểu từ 12cm x 12cm trở lên, độ dày khoảng 1.6mm - 1.7mm.	20	Miếng
231	Dao mổ mắt 15 độ, 30 độ	Dao mổ mắt loại 15° hoặc 30°. Dao đâm thẳng (Stab Knifes straight)	100	Cái
232	Bộ kim chỉ khâu dây chằng van 2 lá	Chỉ khâu dây chằng van tim nhân tạo chất liệu ePTFE hoặc tương đương. Bộ dây chằng nhân tạo có tối thiểu 3 vòng lặp với chiều dài vòng lặp cố	15	Tép

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		định, các cỡ hoặc chiều dài vòng lặp điều chỉnh được. Bao gồm hai miếng đệm pledget chất liệu PTFE hoặc tương đương. Cỡ kim khoảng16-20mm, kim vòng 3/8 hoặc 1/2. Chỉ số 2/0.		
233	Clip cầm máu titan cỡ nhỏ dùng trong mổ mở	Clip kẹp mạch titan cỡ nhỏ, dùng trong mổ mở, ≥6 cái/vĩ. Tương thích với kìm kẹp clip LT100 của Ethicon (Johnson&Johnson) thuộc sở hữu của Bệnh viện	576	Vỉ
234	Clip cầm máu titan cỡ trung bình dùng trong mổ mở	Clip kẹp mạch titan cỡ trung bình, dùng trong mổ mở, ≥6 cái/vĩ. Tương thích với kìm kẹp clip LT200 của Ethicon (Johnson&Johnson) thuộc sở hữu của Bệnh viện	108	Vỉ
235	Túi tiểu dùng cho bệnh mổ tim.	1. Van chặn ngăn chặn nước tiểu chảy ngược lại. 2. Cổng lấy mẫu không cần kim 3. Túi chứa có thước đo chính xác theo ml 4. Dung tích buồng đo 400ml, túi chứa đến 2000ml nước tiểu. 5. Dây nối dài ≥120cm. 6. Tiệt trùng, đóng gói từng cái riêng biệt. 7. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	250	Cái
236	Ống dẫn lưu Silicon cho bệnh mổ tim	Ống dẫn lưu làm từ chất liệu Silicon (hoặc tương đương), dài khoảng 390-420mm. Đường kính ngoài ống gồm các cỡ khoảng 7mm - 10mm. Đường kính trong ống gồm các cỡ khoảng 5mm-7mm. Đóng gói từng cái, tiệt trùng EOG.	800	Cái
237	Kim chọc mạch	- Kim chọc mạch quay, đùi - Chất liệu: Kim: thép không gỉ (IFU - Product Structure) Đầu gần của kim: Polycarbonate (IFU - Product Structure) - Kích thước : 18G(ID:1.06mm, OD:1.29mm), 21G(ID:0.57mm, O.D : 0.8mm) - Độ dày thành: 0.115mm - Chiều dài: 40mm (21G), 70mm (18G, 21G) - Tương thích guidewire: 0.018" 0.021" (21G), 0.035", 0.038" (18G) - Có loại đầu kim phản âm (echogenic needle)	200	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Có loại đầu vát cắt ngược (back-cut Bevel) - Thời gian lưu kim: 24h - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
238	Bộ máy tạo nhịp cấy vào cơ thể loại 2 buồng, kết nối không dây, dung lượng pin cao	Bộ máy tạo nhịp tim loại 2 buồng - Đáp ứng tần số sử dụng ≥ 2 loại cảm biến - Kết nối không dây bằng sóng RF - Dung lượng pin ≥ 1.6 Ah - Giảm tạo nhịp thất không cần thiết - Có mạch tạo nhịp dự phòng - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	2	Bộ
239	Bộ máy phá rung	• Tạo nhịp và khử rung tim, 1 buồng, chuẩn DF4/DF1 • Cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T không giới hạn vùng chụp • Thuật toán sốc thông minh cho phép giảm sốc nhầm ≥ 97% • Có kết nối không dây để quản lý thiết bị từ xa • Có kiểu dáng sinh lý giảm tối đa áp lực lên da • Tính năng ổn định nhịp thất khi cuồng nhĩ/rung nhĩ • Có thể cài đặt vùng phân biệt nhịp nhanh trên thất ≤ 240ms trong vùng phát hiện rung thất. • Cho phép ≥ 2 lựa chọn lập trình cực tính nhận cảm & tạo nhịp thất phải • Tuổi thọ máy > 13 năm Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) Bộ máy bao gồm: Thân máy, Dây điện cực tạo nhịp và khử rung, Kim chọc mạch: 01 cái	7	Bộ
240	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng	• Tạo nhịp tim, 1 buồng, đáp ứng nhịp • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp • Có thể lập trình biên độ an toàn dạng cấp số nhân với ngưỡng tạo nhịp. • Tích hợp kết nối không dây truyền dữ liệu an toàn. - Tuổi thọ pin ≥ 18 năm	10	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). Bao gồm: Thân máy, Dây điện cực tạo nhịp, Kim chọc mạch		
241	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	• Tạo nhịp tim, 2 buồng, đáp ứng nhịp • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp • Có thể lập trình biên độ an toàn dạng cấp số nhân với ngưỡng tạo nhịp (Nhĩ và thất) • Có chế độ chuyển đổi nhằm giảm tạo nhịp thất không cần thiết. • Tính năng phòng ngừa ngất do nhịp tim rớt đột ngột. • Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân - Tuổi thọ pin ≥ 17 năm Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). Bao gồm: Thân máy, Dây điện cực tạo nhịp, Kim chọc mạch: 01 cái	40	Bộ
242	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, chụp MRI toàn thân, có phụ kiện đưa điện cực vào vị trí his/bó nhánh trái	• Tạo nhịp tim, 2 buồng, đáp ứng nhịp • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp • Có thể lập trình biên độ an toàn dạng cấp số nhân với ngưỡng tạo nhịp (Nhĩ và thất) • Có chế độ chuyển đổi nhằm giảm tạo nhịp thất không cần thiết. • Tính năng phòng ngừa ngất do nhịp tim rớt đột ngột. • Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân - Tuổi thọ pin ≥ 17 năm - Sử dụng dây điện cực chuyên dụng His/bó nhánh trái, có điện cực xoắn cố định, đường kính nhỏ < 5Fr. Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). Bộ máy bao gồm: thân máy, dây điện cực tạo nhịp, dây điện cực tạo nhịp His/bó nhánh trái, kim chọc mạch, ống thông dẫn đường, dao cắt ống thông	10	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
243	Bộ máy tạo nhịp 3 buồng tái đồng bộ cơ tim trong điều trị suy tim	• Tạo nhịp tim, tái đồng bộ tim 3 buồng. Trọng lượng ≤ 30g • Có thể lập trình ≥ 16 vector tạo nhịp thất trái. • Có thể chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T không giới hạn vùng chụp. • Có hệ thống truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth. • Có chức năng cho phép theo dõi tình trạng dịch phổi. • Tự động kiểm tra thông tin từ tất cả các vectơ tạo nhịp thất trái. • Có chức năng đưa ra các cài đặt thông số lập trình máy dựa theo tình trạng bệnh nhân. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) Bộ máy bao gồm: Thân máy, dây điện cực tạo nhịp, ống thông dẫn đường/ kim chọc, bóng chụp tĩnh mạch, dao cắt ống thông.	3	Bộ
244	Máy phá rung	• Tạo nhịp và khử rung tim, 1 buồng, chuẩn DF4/DF1 • Cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T không giới hạn vùng chụp • Thuật toán sốc thông minh cho phép giảm sốc nhầm ≥ 97% • Có kết nối không dây để quản lý thiết bị từ xa • Có kiểu dáng sinh lý giảm tối đa áp lực lên da • Tính năng ổn định nhịp thất khi cuồng nhĩ/rung nhĩ • Có thể cài đặt vùng phân biệt nhịp nhanh trên thất ≤ 240ms trong vùng phát hiện rung thất. • Cho phép ≥ 2 lựa chọn lập trình cực tính nhận cảm & tạo nhịp thất phải • Tuổi thọ máy > 13 năm Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	1	Cái
245	Máy tạo nhịp 1 buồng	• Tạo nhịp tim, 1 buồng, đáp ứng nhịp • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp • Có thể lập trình biên độ an toàn dạng cấp số nhân với ngưỡng tạo nhịp. • Tích hợp kết nối không dây truyền dữ liệu an toàn. - Tuổi thọ pin ≥ 18 năm	8	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).		
246	Máy tạo nhịp 2 buồng	• Tạo nhịp tim, 2 buồng, đáp ứng nhịp • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp • Có thể lập trình biên độ an toàn dạng cấp số nhân với ngưỡng tạo nhịp (Nhĩ và thất) • Có chế độ chuyển đổi nhằm giảm tạo nhịp thất không cần thiết. • Tính năng phòng ngừa ngất do nhịp tim rớt đột ngột. • Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân - Tuổi thọ pin ≥ 17 năm Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).	2	Cái
247	Máy tạo nhịp 3 buồng tái đồng bộ cơ tim trong điều trị suy tim	• Tạo nhịp tim, tái đồng bộ tim 3 buồng. • Trọng lượng ≤ 30g • Có thể lập trình ≥ 16 vector tạo nhịp thất trái. • Có thể chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T không giới hạn vùng chụp. • Có hệ thống truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth. • Có chức năng cho phép theo dõi tình trạng dịch phổi. • Tự động kiểm tra thông tin từ tất cả các vectơ tạo nhịp thất trái. • Có chức năng đưa ra các cài đặt thông số lập trình máy dựa theo tình trạng bệnh nhân. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Cái
248	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, tương thích MRI kèm bộ dụng cụ dẫn đường hỗ trợ đặt điện cực vào hệ thống dẫn truyền	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng đáp ứng tần số - Thể tích máy < 11cc. - Cho phép lưu điện tâm đồ ≥ 14 phút. - Cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T không giới hạn vùng chụp. - Có chức năng khuyến khích nhịp thất nội tại. - Bộ dụng cụ đưa dây điện cực tạo nhịp vào hệ thống dẫn truyền.	5	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
249	Máy tạo nhịp 1 buồng	- Tương thích chụp MRI toàn thân 1.5T. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. - Hệ thống tạo nhịp đáp ứng tối đa ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự động phát xung dự phòng khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Trọng lượng 19g, thể tích 9.7cc. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	15	Bộ
250	Máy tạo nhịp 2 buồng	- Tạo nhịp tim, 2 buồng có đáp ứng nhịp. - Thể tích máy 10,4cc. - Cho phép lưu điện tâm đồ 14 phút. - Cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T không giới hạn vùng chụp. - Có chức năng khuyến khích nhịp thất nội tại. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	20	Bộ
251	Thân máy tạo nhịp 1 buồng	- Tương thích chụp MRI toàn thân 1.5T. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. - Hệ thống tạo nhịp đáp ứng tối đa ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự động phát xung dự phòng khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Trọng lượng 19g, thể tích 9.7cc. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	1	Cái
252	Thân máy tạo nhịp 2 buồng	- Tạo nhịp tim, 2 buồng có đáp ứng nhịp. - Thể tích máy 10.4cc. - Cho phép lưu điện tâm đồ 14 phút. - Cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T không giới hạn vùng chụp. - Có chức năng VIP™ khuyến khích nhịp thất nội tại.	1	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		
253	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng	-Thân máy: + Bộ máy tạo nhịp 1 buồng, tương thích MRI toàn thân 1.5T - 3T với phát hiện tự động từ trường MRI. + Thời gian hoạt động ≥ 15 năm. + Thể tích ≤10 cc, dày ≤ 6.5mm. + Nhịp cơ bản ≥ 200 bpm. + Có chức năng tự động điều chỉnh tần số tạo nhịp theo nhu cầu của bệnh nhân. + Kết nối không dây. - Dây điện cực lưỡng cực với đường kính ≤ 5.6F. - Kèm theo phụ kiện: kim chọc mạch. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	5	Bộ
254	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng nhịp thích ứng	- Thân máy: + Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, tương thích MRI toàn thân 1.5T và 3.0T với phát hiện tự động từ trường MRI. + Thời gian hoạt động: ≥ 11 năm. + Thể tích ≤ 11cc, dày ≤ 6.5mm. + Nhịp cơ bản ≥ 200 bpm. + Chức năng san bằng nhịp giúp tránh thay đổi nhịp tim quá đột ngột. - Dây điện cực lưỡng cực với đường kính ≤ 5.6F. - Kèm theo phụ kiện: kim chọc mạch. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	20	Bộ
255	Máy tạo nhịp 1 buồng	- Bộ máy tạo nhịp 1 buồng, tương thích MRI toàn thân 1.5T - 3T với phát hiện tự động từ trường MRI . - Thời gian hoạt động ≥ 15 năm. - Thể tích ≤10 cc, dày ≤ 6.5mm. - Nhịp cơ bản ≥ 200 bpm.	2	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Có chức năng tự động điều chỉnh tần số tạo nhịp theo nhu cầu của bệnh nhân. - Kết nối không dây. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
256	Máy tạo nhịp 2 buồng nhịp thích ứng, tương thích MRI.	- Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, tương thích MRI toàn thân 1.5T và 3.0T với phát hiện tự động từ trường MRI. - Thời gian hoạt động: ≥ 11 năm. - Thể tích ≤ 11cc, dày ≤ 6.5mm. - Nhịp cơ bản ≥ 200 bpm. - Chức năng san bằng nhịp giúp tránh thay đổi nhịp tim quá đột ngột. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	1	Cái
257	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng nhịp thích ứng, tương thích MRI. có phụ kiện đưa điện cực vào vị trí his/bó nhánh trái	- Thân máy: + Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, tương thích MRI toàn thân 1.5T và 3.0T với phát hiện tự động từ trường MRI. + Thời gian hoạt động: ≥ 11 năm. + Thể tích ≤ 11cc, dày ≤ 6.5mm. + Nhịp cơ bản ≥ 200 bpm. + Chức năng san bằng nhịp giúp tránh thay đổi nhịp tim quá đột ngột. - Dây điện cực lưỡng cực với đường kính ≤ 5.6F. - Bộ dụng cụ ống thông đưa dây dẫn tín hiệu vào hệ thống dẫn truyền, với nhiều đường cong 40mm, 55mm, 65mm, chiều dài ≥ 32cm. - Kèm theo phụ kiện: kim chọc mạch. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	15	Bộ
258	Ống thông thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực	- Catheter chẩn đoán 10 điện cực đầu cong cố định. - Kích thước: 5Fr - Chiều dài 120cm; 65 cm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	10	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Tương thích với hệ thống điện sinh lý tim của Bệnh viện Đà Nẵng: Số Seri (XG 110307), Model (HL-100G), Hãng sản xuất (Bard), Sản xuất (Mỹ).		
259	Cáp nối với ống thông thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực	- Tương thích với các loại catheter chẩn đoán 10 cực - Đầu nối chân cắm điện cực được bao phủ 2mm. - Chân cắm mạ vàng 24K. - Chiều dài 150cm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với hệ thống điện sinh lý tim của Bệnh viện Đà Nẵng: Số Seri (XG 110307), Model (HL-100G), Hãng sản xuất (Bard), Sản xuất (Mỹ).	3	Cái
260	Cáp kết nối Catheter dùng cho bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim bằng RF loại 1 hướng	- Tương thích với Catheter dùng cho bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim bằng RF loại 1 hướng và hệ thống điện sinh lý. - Chiều dài ≥ 2m. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích với hệ thống điện sinh lý tim của Bệnh viện Đà Nẵng: Số Seri (XG 110307), Model (HL-100G), Hãng sản xuất (Bard), Sản xuất (Mỹ).	16	Cái
261	Catheter dùng cho bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim bằng RF loại 1 hướng	- Đầu kết nối: tương thích với cáp kết nối. - Tay cầm lái hướng: dạng kéo - đẩy. - Thân Catheter: + Catheter loại 1 hướng có đường kính ≥ 7Fr, dài ≥ 110cm, có ≥ 04 điện cực. + Kích cỡ đầu Tip ≥ 4mm, kích cỡ nhẫn ≥ 1.55mm, khoảng cách các điện cực ≥ 2 mm, chất liệu Platin Iridium (Pt/Ir) + Đầu điện cực có thể xoay ≥ 270 độ so với góc ban đầu. Có thể tạo thành đường cong khép kín. + Tầm với có tối thiểu 02 cỡ khác nhau trong khoảng từ 48 mm tới 57 mm. + Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích với hệ thống điện sinh lý tim của Bệnh viện Đà Nẵng: Số Seri (XG 110307), Model (HL-100G), Hãng sản xuất (Bard), Sản xuất (Mỹ).	80	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
262	Cáp nối với ống thông thăm dò điện sinh lý tim loại 04 điện cực	- Tương thích với các loại catheter chẩn đoán 4 cực. - Đầu nối chân cắm điện cực được bao phủ 2mm. - Chân cắm mạ vàng 24K. - Chiều dài 150cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với hệ thống điện sinh lý tim của Bệnh viện Đà Nẵng: Số Seri (XG 110307), Model (HL-100G), Hãng sản xuất (Bard), Sản xuất (Mỹ).	40	Cái
263	Cáp nối với ống thông thăm dò điện sinh lý tim loại 10 hoặc 20 điện cực, lái hướng	- Tương thích với các loại catheter chẩn đoán 10 cực hoặc 20 cực lái hướng. - Đầu nối chân cắm điện cực được bao phủ 2mm. - Chân cắm mạ vàng 24K. - Chiều dài 150cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Thích với hệ thống điện sinh lý tim của Bệnh viện Đà Nẵng: Số Seri (XG 110307), Model (HL-100G), Hãng sản xuất (Bard), Sản xuất (Mỹ).	18	Cái
264	Cáp nối cho catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	- Tương thích với catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng. - Cáp được ghi nhãn dùng cho quá trình đốt. - Kết nối cho phép giám sát nhiệt độ. - Kênh có chỉ dẫn để kết nối. - Chiều dài: ≥150 cm. - Sử dụng được và hiển thị các thông số đốt điện sinh lý khi kết hợp với hệ thống điện sinh lý tim của Bệnh viện Đà Nẵng: Số Seri (XG 110307), Model (HL-100G), Hãng sản xuất (Bard), Sản xuất (Mỹ).	4	Cái
265	Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	- Có 4 điện cực. - Nhiều kiểu cong khác nhau. - Đầu Catheter uốn cong được 2 hướng. - Theo dõi nhiệt độ thông qua điện trở nhiệt và cặp nhiệt điện. - Khóa lái hướng tự động. - Kích thước: 7Fr. - Đầu catheter dài: 4 mm.	20	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Bề rộng điện cực 1 mm. - Chiều dài: 115 cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Cam kết cung cấp máy đốt đốt điện sinh lý tim tương thích khi sử dụng dụng cụ		
266	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, có van cầm máu	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu, có van cầm máu. - Kích thước 4Fr; 5Fr; 5.5Fr; 6Fr; 6.5Fr; 7Fr; 7.5r; 8Fr; 8.5Fr; 9Fr. - Chiều dài 12cm. - Đường kính dây dẫn đường tối đa: 0.035" hoặc 0.038". - Có khóa cố định ống thông. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	800	Bộ
267	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, có van cầm máu loại dài	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài, có van cầm máu - Kích thước: 8Fr và 8.5Fr - Chiều dài 63cm - Dây dẫn đường dài 180 cm. Đường kính dây dẫn đường tối đa .,032" - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	20	Bộ
268	Ống thông thăm dò điện sinh lý tim loại 04 điện cực	- Catheter chẩn đoán 4 điện cực với nhiều đầu cong khác nhau. - Kích thước: 4Fr; 5Fr; 6Fr. - Chiều dài 120cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với hệ thống điện sinh lý tim của Bệnh viện Đà Nẵng: Số Seri (XG 110307), Model (HL-100G), Hãng sản xuất (Bard), Sản xuất (Mỹ).	133	Cái
269	Ống thông thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, lái hướng	- Ống thông chẩn đoán điều khiển được độ cong 10 điện cực, độ cong trung bình. - Kích thước 6Fr tay cầm điều khiển trợ lực và tự động khóa độ cong, phần đầu catheter mềm, không bện giúp giảm nguy cơ thủng tim. - Dài 115cm.	55	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ). - Tương thích với hệ thống điện sinh lý tim của Bệnh viện Đà Nẵng: Số Seri (XG 110307), Model (HL-100G), Hãng sản xuất (Bard), Sản xuất (Mỹ).		
270	Ống thông thăm dò điện sinh lý tim loại 20 điện cực, lái hướng	- Catheter chẩn đoán 20 điện cực, tay cầm trợ lực lái hướng và tự động khóa độ cong. - Kích thước: 7Fr. - Đầu catheter mềm, không bện. - Bề rộng điện cực thân 1mm. Điện cực đầu catheter 2mm. - Chiều dài 115cm. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ). - Tương thích với hệ thống điện sinh lý tim của Bệnh viện Đà Nẵng: Số Seri (XG 110307), Model (HL-100G), Hãng sản xuất (Bard), Sản xuất (Mỹ).	5	Cái
271	Bộ dụng cụ thả dù các kích cỡ	Bộ thả dù có van vặn cầm máu áp suất cao - Ống nong được làm bằng vật liệu trơn láng giảm thiểu ma sát. - Ống thả bao gồm lớp bên ngoài trơn láng, lớp bên trong giảm ma sát, tăng cường bằng lớp đan bện kim loại tăng sự chịu lực và cản quang. + Sheath dài 800mm. + Góc gập 45°/180°. - Ống nối chữ Y với van cầm máu. - Kích cỡ: ≥ 6Fr (tối thiểu có cỡ 14Fr). - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	150	Bộ
272	Bóng nong sửa van động mạch phổi, động mạch chủ các kích cỡ	* Chiều của ống thông dùng cho nhi khoảng 70cm và người lớn khoảng 100-110cm. * Có marker xác định vị trí của bóng nong. * Kích cỡ: đường kính 6 - 35mm, chiều dài 20 - 60mm. * Áp lực bơm bóng trung bình 2 - 2.5atm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	25	Cái
273	Bộ van tim động mạch phổi qua da	Bộ van tim động mạch phổi qua da gồm: - Hệ thống van động mạch phổi - Bộ dụng cụ thả van	3	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Van tự nở với mô xử lý nhiều bước từ màng ngoài tim heo. + Đường kính van có ít nhất 02 size, từ 18 - ≥32mm. + Đường kính hệ thống thả ≤ 25 Fr.		
274	Bộ điều chỉnh lưu lượng tâm nhĩ	Bộ điều chỉnh lưu lượng tâm nhĩ loại một núm. Chất liệu Nitinol dạng cấu trúc đan bện, được thiết để kiểm soát lưu lượng máu từ tâm nhĩ trái sang tâm nhĩ phải và ngược lại. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái
275	Dù đóng lỗ bầu dục các kích cỡ	Dù đóng lỗ bầu dục - Dù bằng nitinol phủ titanium (hoặc tương đương). - Thiết kế không núm đầu xa. - Miếng PET tương thích sinh học. - Đường kính đầy đủ các cỡ (tối thiểu có 18, 25, 30 và 35mm). - Cáp thả dù và cáp nối tạo góc nghiêng 50º. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái
276	Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng phủ titanium 1 núm	- Dù đóng thông liên thất được thiết kế một đĩa và một thân. - Công nghệ đan bện tạo ra sự mềm mại và không gây tổn thương mô. - Thân rộng để bám an toàn. - Công nghệ đan bện không núm đầu xa, giảm thiểu vật liệu, ít nhô ra. - Hệ thống (Delivery Systems) thả dù nhỏ. - Dễ định vị và thu dù lại. - Kích cỡ: 4, 6, 8, 10, 12.	3	Cái
277	Dù đóng ống động mạch các kích cỡ	Dù đóng ống động mạch - Chất liệu bằng Nitinol phủ titanium hoặc tương đương, có lớp PET đặt bên trong dù. - Kích thước eo dù: ≥ 3.5mm (tối thiểu phải có 5mm). - Không có núm đầu xa. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	15	Cái
278	Dù đóng thông liên nhĩ các kích cỡ	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ - Dù bằng hợp kim Nitinol được phủ Titanium (hoặc tương đương).	130	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Thiết kế bao gồm hai đĩa. - Đường kính khoảng 4 - 40mm. - Cáp thả dù và cáp nối tạo góc nghiêng 50º. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
279	Dây dẫn cứng can thiệp tim bẩm sinh	- Dây dẫn cứng sử dụng lõi thép không gỉ và phủ lớp PTFE. - Phần đầu hình J mềm không gây chấn thương - dài 3mm, điều khiển bằng cách xoay. - Cấu hình cứng kết hợp với đầu dây linh hoạt - phù hợp can thiệp buồng nhĩ trái. - Kích cỡ: đường kính 0.035", chiều dài 260cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	130	Cái
280	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ các kích cỡ	Bóng đo kích thước lỗ thông liên nhĩ - Chiều dài khả dụng, nốt cản X quang, đầu , ngõ vào bơm bóng. - Đường kính bóng : 25mm-35mm.Chiều dài bóng 45mm-50mm, chiều dài khả dụng: 700mm, Tương thích dây dẫn: 0.035" - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	130	Cái
281	Bộ Stent graft cho động mạch chủ bụng	Stent dạng chữ Y. Chất liệu: stent Nitinol, graft là polyester hoặc tương đương. - Thân chính có đường kính: ≥ 20mm, dài 100 – 160mm, 2 nhánh có đường kính ≥ 10mm. Chiều dài miếng chân ≥ 49mm. - Có marker bằng chất liệu platinium iridium hoặc tương đương. - Hệ thống dẫn stent được phủ lớp ái nước. - Trợ cụ đi kèm: Bóng nong, dây lái, dụng cụ mở đường, ống thông dạng đuôi heo. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	19	Bộ
282	Bộ Stent graft cho động mạch chủ ngực	Stent trần ở đầu gần với 8 đỉnh stent không có lớp phủ - Không có thanh kim loại chạy dọc trên lưng stent.	24	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Có các marker chất liệu Platinum Iridium hoặc tương đương. - Hệ thống dẫn stent được phủ lớp ái nước. - Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 22mm đến 46mm. - Chất liệu: Stent: Nitinol hoặc tương đương; Graft: Polyester đơn sợi hoặc tương đương. - Trợ cụ đi kèm: Bóng nong, dây lái, dụng cụ mở đường, ống thông dạng đuôi heo. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		
283	Stent graft bổ sung cho động mạch chủ bụng	Phù hợp nối phía trên bộ khung giá đỡ động mạch chủ bụng phía dưới để sử dụng khi cần ghép cho bệnh nhân. - Đầu gần có stent chữ M. - Đường kính của Stent từ 10mm đến 36mm. - Chất liệu: Stent: Nitinol hoặc tương đương, Graft: Polyester đa sợi mật độ cao hoặc tương đương. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Bộ
284	Stent graft bổ sung cho động mạch chủ ngực	- Chất liệu stent Nitinol, graft là Polyester đơn sợi mật độ cao (hoặc tương đương). - Có điểm đánh dấu chất liệu plantinum hoặc tương đương. - Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 22mm đến 46mm. - Tương thích Sheath 22 - 25Fr. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	2	Bộ
285	Van động mạch chủ sinh học qua da và trợ cụ	Van động mạch chủ sinh học thay qua da - Chất liệu khung van bằng Nitinol hoặc tương đương, lá van làm bằng màng tim heo. - Kích thước van 23 - 34mm. Kích thước hệ thống catheter chuyển van: 14Fr, 18Fr. - Van được cung cấp chung với bộ nạp van và hệ thống catheter chuyển van. Hệ thống van động mạch chủ tự bụng.	2	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)		
286	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da bao gồm 01 van động mạch chủ tự bung, 01 bộ nạp van và 01 hệ thống catheter chuyển van: - Khung van được làm bằng chất liệu Nitinol tự nở, có khả năng thu hồi và điều chỉnh vị trí khi thả. - Các lá van có chất liệu từ màng tim bò. - Đường kính vòng van tối thiểu ≤ 22mm, đường kính vòng van tối đa ≥ 30mm. - Chiều cao khung van trong khoảng: 51 - 55mm. - Hệ thống chuyển van tương thích với Sheath ≥ 14Fr và ≤ 15Fr. - Khung mắt cáo hỗ trợ tiếp cận động mạch vành ≥ 15Fr. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	2	Bộ
287	Dây dẫn đường dùng trong can thiệp tim bẩm sinh	Dây dẫn đường can thiệp tim bẩm sinh - Chất liệu thép không gỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài hoặc tương đương. - Có 4 loại đầu tip: 7.5mm J- Tip, 1.5mm J- Tip, 6mm J - Tip. - Đường kính trong ≤ 0.035". - Chiều dài ≥ 260cm. - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	100	Cái
288	Dù để bít các đường rò bất thường	Dù bít các đường rò mạch máu bất thường Thiết kế lưới Nitinol (hoặc tương đương) nhiều cuộn, đa lớp - Đường kính dù: đủ các kích cỡ (tối thiểu có 3, 8, 14 và 22mm). - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	5	Cái
289	Bộ dụng cụ bít ống động mạch	Bộ dụng cụ bít ống động mạch PDA coi gồm : coil và bộ thả coil được lắp sẵn.Hệ thống coil xoắn làm bằng Nitinol đàn hồi.An toàn cho bệnh nhân.có cản quang.Tương thích MR.Có thể tái định vị và thu hồi trước khi thả.Kích cỡ coil đa dạng : 5x4mm, 6x5mm, 7x6mm, 9x6mm, 11x6mm.	45	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
290	Dụng cụ lấy dị vật trong tim hoặc mạch máu vừa và lớn	Dụng cụ bắt dị vật trong tim, mạch máu - Chất liệu: nitinol (hoặc tương đương) siêu đàn hồi, có độ chịu xoắn tốt. - Loại 1 vòng. - Chất liệu vòng cản quang platinium hoặc tương đương. - Đường kính thòng lọng: ≥ 5mm (tối thiểu có 10, 20 và 30mm). - Chiều dài ≥ 120cm. - Vòng thòng lọng xoay 360º. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	14	Bộ
291	Hệ thống bít thông liên thất			
291.1	Bộ dụng cụ bít thông liên thất	- Hệ thống coil xoắn làm bằng Nitinol đàn hồi. - Thiết kế linh hoạt thích ứng với việc đóng VSD quanh màng và VSD phần cơ. - Sử dụng 1 lần. - Coil được gắn sẵn với delivery catheter 6Fr, 7Fr. - Có cản quang. - Tương thích MR. - Có thể tái định vị trước khi thả. - Thiết kế coil có sợi polyester bảo đảm bít lỗ VSD nhanh chóng. - Kích cỡ coil đa dạng: Coil đường kính 8x6mm, 10x6mm, 12x6mm, 12x8mm, 14x8mm, 16x8mm. - Phù hợp với dụng cụ thả coil	5	Bộ
291.2	Bộ dụng cụ thả coil thông liên thất	Sheath có thiết kế dạng cuộn dễ dàng uốn cong mà không bị xoắn vặn và phù hợp cho động mạch thận, mạch cảnh và thủ thuật xuyên vách. - Phủ lớp ái nước và đầu típ có đánh dấu cản quang. - Đường kính từ 5Fr-11Fr. Chiều dài từ 80cm-100cm. - Dụng cụ mở đường với tính năng chốt tự động, với cổng nằm phía bên/van cầm máu và kèm stopcock 3 ngã. - Tương thích với hệ thống coil xoắn. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	5	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
292	Hệ thống đóng còn ống động mạch			
292.1	Dù đóng còn ống động mạch	Dù đóng còn ống động mạch: - Chất liệu: Nitinol. - Có thành phần polypropylen hoặc vật liệu tương đương. Có khả năng thu hồi và đặt lại vị trí. - Đường kính : 04/06mm; 06/08mm; 08/10mm; 10/12mm; 12/14mm; 14/16mm; 16/18mm; 18/20mm.	5	Bộ
292.2	Bộ dụng cụ thả dù đóng còn ống động mạch	Bộ ống thông để thả dù đóng còn ống động mạch phù hợp với dụng cụ. Bao gồm: 1 ống dẫn + 1 que nong + 1 bộ truyền + 1 van cầm máu và 1 cáp thả. Ống dẫn (ống thông uốn 180°) để đưa dù vào. Kích cỡ các loại kích cỡ phù hợp với size dù.	5	Bộ
293	Hệ thống đóng lỗ thông liên nhĩ			
293.1	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ: - Chất liệu: Nitinol. Có thể tự dãn nở, có hai đĩa kết hợp với nhau. - Đĩa được làm đầy bằng lớp màng polypropylen, hoặc vật liệu tương đương. Có khả năng thu hồi và đặt lại vị trí. - Kích cỡ: 8mm; 10mm; 12mm; 14mm; 16mm; 18mm; 20mm; 22mm; 24mm; 26mm; 28mm; 30mm; 32mm; 34mm; 36mm; 38mm; 40mm.	75	Cái
293.2	Bộ dụng cụ đo và thả dù đóng lỗ thông liên nhĩ	Bộ ống thông để thả dù thông liên nhĩ phù hợp với dụng cụ. Bao gồm: 1 ống dẫn + 1 que nong + 1 bộ truyền + 1 van cầm máu và 1 cáp thả. Ống dẫn (ống thông uốn 45°) để đưa dù vào. Kích cỡ các loại phù hợp với size dù.	75	Bộ
294	Dù đóng lỗ bầu dục	Chất liệu: Nitinol phủ lớp Platinum hoặc tương đương thể hiện tính tương thích sinh học và giảm tối thiểu giải phóng Niken. Có thể tự giãn nở, hai đĩa đường kính khác nhau kết hợp lại. Có khả năng thu hồi và đặt lại vị trí. Đĩa được làm đầy bằng lớp vải polypropylen hoặc tương đương.	4	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		Kích cỡ: từ 25/18mm đến 35/25mm Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
295	Khung giá đỡ mạch máu có màng bọc dùng cho can thiệp động mạch ngoại biên, động mạch chủ	- Giá đỡ mạch máu có màng bọc. - Khung giá đỡ làm bằng hợp kim CoCr hoặc tương đương, phủ một lớp màng bọc ePTFE hoặc tương đương. - Đường kính stent tại áp suất định danh 12 - 24mm. - Đường kính tối đa sau khi nong: 20 - 30mm. - Chiều dài khả dụng stent: ≥ 19mm. - Sheath có kích cỡ phù hợp.	5	Cái
296	Ống thông chẩn đoán tim mạch dạng đuôi heo	Ống thông chẩn đoán tim mạch dạng đuôi heo - Chất liệu Nylon Pebax hoặc tương đương giúp bề mặt nhẵn, trơn, làm bằng chất liệu có cản quang. - Đầu típ cản quang tốt, khả năng nhớ hình. - Có các kích cỡ 4Fr dài 80cm, 5Fr dài 90cm và 110cm. - Có các kiểu đầu: pigtail thẳng hoặc pigtail cong 145°. - Dùng được với guide wire 0.035"/0.038". - Chịu được áp lực 1200 PSI (81.6 Bar).	210	Cái
297	Ống thông chẩn đoán tim mạch đa chức năng	Ống thông chẩn đoán mạch máu dạng Multi Purpose và dạng JR các size các cỡ: - Chất liệu Nylon Pebax hoặc tương đương giúp bề mặt nhẵn, trơn, làm bằng chất liệu có cản quang. - Đầu típ cản quang tốt, khả năng nhớ hình. - Có 2 loại: có lỗ bên hoặc không có lỗ bên. - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4Fr; 0.046"/1.17mm loại 5Fr. - Tối thiểu có các cỡ 4Fr, 5Fr, dài 80cm, 100cm, - Tương thích guide wire 0.035"/0.038". - Chịu được áp lực 1200 PSI.	420	Cái
298	Bộ dụng cụ bít thông liên thất			
298.1	Bộ thả dù thông liên thất	Bộ dây thả dù bao gồm vỏ dây, que nong, ống nạp, van cầm máu và cáp thả. Khả năng tương thích và chống gấp khúc tốt. Lớp phủ PTFE bên trong giúp giảm ma sát. Chất liệu thép bện không gỉ giúp chống gấp khúc. Chất liệu	3	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		PEBAX phủ trên bề mặt giúp bộ thả di chuyển dễ dàng. Có sẵn nhiều kích thước với kiểu đầu cong 180 độ. Đường kính từ 5F đến 14F		
298.2	Dù đóng thông liên thất	Dù được thiết kế có hình dạng đĩa tự mở, được làm từ kết cấu sợi Nitinol. Có tác dụng nhớ hình cao. Lớp màng PTFE được khâu bên trong dù. Tương thích khi chụp MRI . Có nhiều kích cỡ phù hợp với kích cỡ của lỗ thông liên thất. Đường kính từ 4mm đến 16mm.Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái
299	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ	Bóng đo kích thước lỗ thông liên nhĩ - Chất liệu nhựa tổng hợp (nylon). - Có 3 điểm đánh dấu cản quang. - Đường kính bóng tối thiểu ≤ 18mm, đường kính bóng tối đa ≥ 34mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	100	Cái
300	Hệ thống dù và dụng cụ đóng còn động mạch các cỡ, loại đầu cong 90 độ			
300.1	Bộ thả dù đóng ống động mạch	Bộ sản phẩm bao gồm: cáp thả dù, ống thông có đầu cong 90 độ, van cầm máu, dụng cụ nạp dù và kẹp cáp bằng nhựa. - Ống thông làm bằng polymer được gia cố thêm lớp sợi bện làm bằng thép không gỉ giúp chống xoắn và gập gãy. Bên trong lòng ống phủ PTFE làm giảm độ ma sát trong quá trình đẩy dù. - Đường kính có nhiều kích cỡ. (tối thiểu có 4Fr và 5Fr). - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	50	Bộ
300.2	Dù đóng còn ống động mạch các kích cỡ	Dụng cụ được làm từ hợp kim nhớ hình dạng lưới Nitinol hoặc tương đương, thích ứng với giải phẫu sinh lý của ống động mạch kích thước nhỏ - kích cỡ đa dạng (tối thiểu có 4/4/, 5/4, 5/6, 6/6mm). - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	50	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
301	Hệ thống dù và dụng cụ đóng còn động mạch các cỡ, loại đầu cong 180 độ			
301.1	Bộ thả dù đóng ống động mạch các kích cỡ	Bộ sản phẩm bao gồm: cáp thả dù, ống thông có đầu cong 180 độ, cây nong, van cầm máu, dụng cụ nạp dù và kẹp cáp bằng nhựa. - Ống thông làm bằng polymer được gia cố thêm lớp sợi bện làm bằng thép không gỉ giúp chống xoắn và gập gãy. Bên trong lòng ống phủ PTFE. - Kích thước ≥ 5Fr. (Tối thiểu có 6Fr, 7Fr và 8Fr). - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	5	Bộ
301.2	Dù đóng còn ống động mạch	Chất liệu dụng cụ làm từ hợp kim nhớ hình dạng lưới Nitinol hoặc tương đương, thích ứng hình dạng với giải phẫu sinh lý của ống động mạch - Đĩa đệm thêm những mảnh polyester hoặc tương đương - Kích thước: các cỡ (tối thiểu có 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	5	Cái
302	Hệ thống dù và dụng cụ đóng thông liên nhĩ các cỡ, loại đầu cong 45 độ			
302.1	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ các kích cỡ	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ: - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới và polyester hoặc tương đương. - Kích cỡ: 4mm - 38mm (tối thiểu có các size 10mm, 14mm, 34mm, 38mm). - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	25	Cái
302.2	Bộ thả dù đóng vách ngăn liên nhĩ các kích cỡ	Bộ sản phẩm bao gồm: cáp thả dù có đầu tip linh hoạt, được thiết kế kiểu đòn bẩy, cây nong, bộ kết nối chữ Y kèm van cầm máu áp suất cao, dụng cụ nạp dù và kẹp cáp bằng nhựa. - Kích thước: ≥ 4Fr (tối thiểu có 7Fr, 8Fr và 10Fr). - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	25	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
303	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay các cỡ	Dụng cụ mở đường quay - Chất liệu FEP hoặc tương đương. - Có van ngăn rỉ máu. - Kích cỡ 4F, 5F, 6F; chiều dài 7-11 cm. * Gồm những thành phần sau: - Dụng cụ mở đường. - Dây dẫn đầu J hoặc thẳng đường kính 0.018” đến 0.021" , chiều dài ≥ 35cm, có khóa 3 ngã. - Kim chọc mạch 18G đến 21G - Que nong. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.	500	Bộ
304	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi các cỡ	Dụng cụ mở đường đùi - Chất liệu FEP hoặc tương đương. - Có van ngăn rỉ máu. - Kích cỡ 5F, 6F, 7F, 8F dài 7-11cm. * Gồm những thành phần sau: - Dụng cụ mở đường. - Kim chọc mạch 18G - Dây dẫn đầu cong J hoặc thẳng, đường kính 0.035" - 0.038", chiều dài ≥ 45cm, có khóa 3 ngã. - Que nong. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.	500	Cái
305	Dây nối truyền thuốc tiêm tĩnh mạch áp lực cao	Dây nối áp lực cao dùng cho y tế: - Đầu nối xoay: 01 đầu dương (đực) và 01 đầu âm (cái) kết nối được với bộ phận áp lực. - Chiều dài dây: 120cm, 150cm. - Chịu được áp lực đến 1200psi.	200	Cái
306	Bóng nong van động mạch phổi	Chất liệu: Co-Polymer - Chiều dài bóng: 20, 30, 40, 50, 60mm. - Đường kính bóng trong từ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30mm	10	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Áp lực định mức: từ ≥ 1.0atm đến ≤ 4.5atm - Áp lực vỡ bóng: từ ≥ 1.5atm đến ≤ 6.0atm - Chiều dài khả dụng 60-110cm (tối thiểu có cỡ 70cm, 90cm, 100cm). - Hệ thống tương thích dây dẫn có kích cỡ 0.021"hoặc 0.025' hoặc 0.035" tuỳ kích thước bóng. - Có điểm đánh dấu cản quang bằng vàng hoặc tương đương. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)		
307	Bóng nong van động mạch phổi	Chất liệu: Co-Polymer - Chiều dài bóng từ 20, 30, 40, 60 mm. - Đường kính bóng trong từ 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 30 mm - Áp lực định mức: từ ≥ 2.0atm đến ≤ 6.0atm - Áp lực vỡ bóng: từ ≥ 4.0atm đến ≤ 15atm - Chiều dài hệ thống ≥ 100cm (tối thiểu có loại 100cm). - Hệ thống tương thích dây dẫn có kích cỡ 0.025"hoặc 0.035" tuỳ kích thước bóng - Có điểm đánh dấu cản quang bằng vàng hoặc tương đương. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	5	Cái
308	Bơm áp lực cao trong chụp buồng tim mạch	* Bộ bơm áp lực cao dùng trong tim mạch can thiệp, áp lực tối đa 30atm. * Vật liệu: Polycarbonate. * Thể tích: 20ml. * Kèm theo bộ kit, gồm có: khoá chữ y dạng bấm, dây nối, kim luồn và khóa 3 ngã, dụng cụ lái dây dẫn (torque device).	30	Bộ
309	Vi dây dẫn đa lõi can thiệp mạch máu ngoại vi	Dây dẫn can thiệp: - Đường kính dây 0.014", 0.018". - Cấu trúc lõi hình trụ tròn tăng khả năng truyền moment xoắn và độ bền đầu tip cao. - Có phủ ái nước.	10	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	ĐVT
		- Chiều dài 190cm đến 300cm. - Hình dạng đầu tip: thẳng		
310	Bộ dụng cụ nong van hai lá	* Bóng nong van hai lá chất liệu Polyvinyl Chloride - Cấu tạo của bóng bao gồm 3 lớp: lớp trong và lớp ngoài bằng latex, lớp giữa bằng polyester. - Đường kính thân bóng 12Fr và chiều dài thân bóng 70cm. - Chiều dài bóng 2.5cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Bóng có đường kính 24; 26mm * Bộ bao gồm: - Bóng nong. - Que kéo dãn bóng. - Que nong. - Que lái. - Dây dẫn. - Bơm tiêm. - Thước đo bóng.	12	Bộ

PHỤ LỤC 2

MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 3623 /BVĐN-VTTB ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Đà Nẵng)

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Bệnh viện Đà Nẵng

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số … /BVĐN-VTTB ngày … tháng … năm … của Bệnh viện Đà Nẵng, chúng tôi … *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	STT (theo PL 1)	Danh mục thiết bị y tế [2]	Tên thương mại, nhãn hiệu	Ký, mã hiệu, model [3]	Mã HS [4]	Năm sản xuất [5]	Hãng sản xuất	Xuất xứ [6]	Đơn vị tính [7]	Số lượng/ khối lượng [8]	Quy cách [9]	Đơn giá [10] (VND)	Thành tiền [11] (VND)
1		..											
2		…											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: … ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 150 ngày], kể từ ngày … tháng … năm … [Ghi ngày … tháng … năm … kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]

3. Thông tin liên hệ:

- Người phụ trách: …[ghi tên nhân sự thuộc hãng sản xuất, nhà cung cấp phụ trách báo giá].
- Email: …[ghi email nhân sự thuộc hãng sản xuất, nhà cung cấp phụ trách báo giá].
- Số điện thoại: …[ghi số điện thoại nhân sự thuộc hãng sản xuất, nhà cung cấp phụ trách báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

… , ngày … tháng … năm …
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (12)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục" trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục" trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính theo yêu cầu của Bệnh viện.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể quy cách đóng gói của thiết bị y tế.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế. Đơn giá đã bao gồm:

- Chi phí thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

- Thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.